

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức) theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ 30, ngày 15/11/2023
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị - Tổ Vật tư y tế tiêu hao, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận: *MZA*

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao)(02).

TUỔI GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm theo Công văn số 3445/BVĐHYD-VTTB ngày 01 tháng 11 năm 2023)

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo phẫu thuật cỡ (160 - 165) x (135 - 140) cm	- Áo phẫu thuật - Chất liệu vải không dệt SMMMS từ 35 - 43 gsm chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3, chống tĩnh điện - Kích thước (160 - 165) x (135 - 140) cm - Các đường nối được ép chắc chắn - Có 2 khân thấm, kích thước khoảng (30 - 40) x (40 - 45) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	41.000
2	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 70 - 80 mm, chiều cao ghim từ 3 - 4 mm	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chiều dài băng ghim khoảng 70 - 80 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau từ 3 - 4 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	600
3	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 70 - 80 mm	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chiều dài băng ghim khoảng 70 - 80 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1.5 - 2.0 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	996
4	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chiều dài băng ghim khoảng 70 - 80 mm - Chất liệu ghim: titanium, 2 hàng ghim mỗi bên - Lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	200
5	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, đầu móc, dùng cho mô mỏng, mô dày và mô trung bình, 30 mm, 45 mm, 60 mm	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, đầu móc - Chiều dài băng ghim 30 mm, 45 mm, 60 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau 2 - 3 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
6	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng, 30 mm	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng - Chiều dài băng ghim 30 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim dập mỗi bên, chiều cao ghim khác nhau 2 - 3 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	130
7	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng, 45 mm	- Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô mỏng và mạch máu - Chiều dài băng ghim 45 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim dập mỗi bên, với chiều cao ghim khác nhau là 2 - 3 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng - Chiều dài băng ghim 60 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Có thể cắt nối mô mỏng, mô trung bình, mô dày, với chiều cao ghim mở từ 2.6 - 4.2 mm, với chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.0 - 2.3 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	900
9	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình - Chiều dài băng ghim 60 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên, có chiều cao ghim khác nhau 3 - 4 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3.600
10	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình, 45 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình - Chiều dài băng ghim 45 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim khác nhau là 3 - 4 mm trong mỗi băng ghim - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12
11	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, gấp góc đa năng, 45 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, gấp góc đa năng - Chiều dài băng ghim 45 mm - Chất liệu ghim: titanium - Có thể cắt nối mô mỏng, mô trung bình, mô dày, với chiều cao ghim mở từ 2.6 - 4.2 mm, với chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.0 - 2.3 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	160
12	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi - Chiều dài băng ghim 60 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim đóng có 3 độ cao khác nhau từ 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	500
13	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi - Chiều dài băng ghim 45 mm - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim mở khác nhau từ 2 - 3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	75
14	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mở mở	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mở mở - Chiều dài băng ghim 30 mm - Chất liệu ghim: titanium, 3 hàng ghim mỗi bên - Chiều cao ghim 2.5 mm, chiều cao sau khi bắn 1 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
15	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 ô	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 ô - Chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền ô kiểm soát số lượng gạc - Kích thước bảng (35 - 40) x (80 - 83) cm, có 10 ô, có 5 hàng, kích thước ô (15 - 16) x (11 - 12) cm, chứa tối thiểu 10 miếng gạc - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2.000

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
16	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 15 ô	- Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 15 ô - Chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền, kiểm soát số lượng gạc chính xác - Kích thước bảng (50 - 55) x (80 - 85) cm, có 15 ô, có 5 hàng, kích thước ô (16 - 17) x (12 - 13) cm, chứa tối thiểu 15 miếng gạc - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2.000
17	Bao chỉ dưới co giãn	- Bao chỉ dưới co giãn - Chất liệu bằng thun - Kích thước (15 - 16) cm x (140 - 145) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	700
18	Bao chỉ trên co giãn	- Bao chỉ trên co giãn - Chất liệu bằng màng thun - Kích thước (10 - 11) cm x (95 - 100) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	900
19	Bao chụp đầu đèn	- Bao chụp đầu đèn - Chất liệu nhựa trong suốt - Đường kính khoảng 60 - 65 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	7.200
20	Dụng cụ cắt bao quy đầu	- Dụng cụ cắt bao quy đầu - Chất liệu ghim và lưỡi dao tròn bằng thép không gỉ - Dạng pistol, dính khâu tự động - Kích thước vòng cắt khoảng 12 - 36 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	350
21	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	- Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng Nitinol, phủ lớp ưa nước (Hydrophilic) - Đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, không bị gãy - Chiều dài đầu dây dẫn 3 - 5 cm, cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	1.000
22	Ống nội soi mềm, đường kính 3 - 3.5 mm	- Ống nội soi mềm loại nhỏ - Một vỏ bọc nhựa - Chiều dài làm việc 630 - 650 mm - Đường kính ống soi 3 - 3.5 mm - Độ rộng kênh làm việc 1 - 1.2 mm - Độ phân giải 160.000 - 170.000 Pixels - Góc uốn -270° ~ +270° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích bộ xử lý hình ảnh cùng hãng	cái	30
23	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài, van 1 chiều, 2300 - 2400 ml	- Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài - Cấu tạo 3 khoang, có van điều chỉnh áp lực - Có van 1 chiều trên dọc tuyến dẫn lưu, van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng hút nước hoặc trào ngược và có vị trí để hút dịch làm xét nghiệm - Thể tích 2300 - 2400 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	60

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 120 - 125 mbar, 250 - 260 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Chất liệu: * Bình chứa: polyetylen * Ống dẫn lưu, ống nối, nắp bình: PVC * Trocar: thép không gỉ - Dung tích 250 - 260 ml - Áp lực 120 - 125 mbar - Bao gồm 1 bình hút áp lực âm, 1 ống dài 800 - 820 mm, 1 trocar và ống nối dài 100 - 125 cm - Có van chống trào ngược, ngăn tình trạng nhiễm trùng ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	2.400
25	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 900 - 950 mbar, 400 - 450 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Chất liệu: * Bình chứa, ống dẫn lưu, ống nối: PVC * Trocar: thép không gỉ - Dung tích 400 - 450 ml, ống nối dài 100 - 125 cm - Áp lực 900 - 950 mbar - Bao gồm 1 bình hút áp lực âm, 1 ống dẫn lưu dài 800 - 820 mm, và 1 kim đâm xuyên da nối liền với ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	200
26	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, dạng lò xo nén - Chất liệu: silicon - Duy trì liên tục áp lực hút ở mức thấp - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu/dịch tiết - Dung tích 450 - 500 ml - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	1.800
27	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 700 - 750 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, dạng lò xo nén, có 2 van một chiều ngăn trào ngược, có nắp xả cuối túi - Chất liệu: * Bình hút và khóa kẹp bằng Polyethylene * Ống dẫn, túi chứa dịch và co nối chữ Y bằng Polyvinyl Chloride - Dung tích 700 - 750 ml - Dây dẫn dài 600 - 650 mm, đường kính trong 1.6 - 3.5 mm, đường kính ngoài 2.7 - 6.0 mm - Phụ kiện gồm 1 trocar kim loại bằng thép không gỉ, có dây nối dài khoảng 140 - 150 mm, có kẹp khóa, dây treo bình - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.620
28	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, 100 - 110 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Chất liệu bằng silicon - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không, có móc treo - Dung tích 100 - 110 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	300
29	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz - Chất liệu bằng silicon - Tốc độ bơm từ 1 - 10 ml/phút (cc/phút) - Tốc độ tưới nhanh từ 25 - 30 ml/phút (cc/phút) - Chịu được áp lực ≤ 660 mmHg - Tương thích tay dao CUSA 23 kHz hiện có tại bệnh viện - Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	260
30	Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, người lớn/trẻ em	Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, người lớn /trẻ em - Chất liệu Polypropylen (PP) - Đường kính 15 - 22 mm, dài tối thiểu 1.6 m - Thành ống dạng gợn sóng - Bao gồm: 5 đoạn ống nối, 1 co Y có 2 cổng kiểm soát, một co thẳng 22 mm M/M, 1 co L 22 M/15 F có cổng luer lock - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm bóng giúp thở, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm bóng giúp thở, người lớn - Chất liệu PVC và PE - Cấu tạo dạng 2 dây song song, co giãn được. Chiều dài kéo dẫn mỗi dây ít nhất 1.5 m, đường kính mỗi dây 22 mm. - Bao gồm : + 01 co chữ Y có 2 cổng kiểm soát + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mmM + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m, hai đầu có co 22 mmF + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO₂, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối,...) có đường kính 22 mmM/15 mmF (22M/15F) . - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	500
32	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn - Chất liệu: Nhựa Polypropylen / Polyethylen - Thiết kế 2 dây song song, co giãn được, kết nối với co chữ Y, đường kính mỗi dây 22 mm, chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.5 m. - Phụ kiện đi kèm: co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO₂, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối,...) có đường kính 22 mmM/15 mmF (22M/15F). - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	15.000
33	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em - Chất liệu PVC và PE - Bao gồm: + 02 dây thở dạng 2 dây song song, co giãn được, chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.2 m, đường kính mỗi dây 15 mm. + 01 một co Y có 2 cổng kiểm soát + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mm M/22mm M + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO₂, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối,...) có đường kính 22 mm M/15 mm F (22M/15F) . - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	350
34	Bộ dây thở Mapleson người lớn	Bộ dây thở Mapleson C người lớn - Chất liệu : Nhựa tổng hợp - Bao gồm + 01 dây thở cố định dài tối thiểu 1.8 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóng giúp thở 2 - 3 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối,...) có đường kính 22 mmM/ 15 mmF (22M/15F). + 01 nắp đậy + 01 co thẳng nối nguồn oxy, dẻo, mềm, đầu cỡ 6 - 9 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	85
35	Bộ dây thở Mapleson trẻ em	Bộ dây thở Mapleson F trẻ em - Chất liệu : Nhựa tổng hợp - Bao gồm + 01 dây thở cố định dài tối thiểu 1,8 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóp bóng giúp thở 0.5 - 1 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối,...) có đường kính 22 mmM/ 15 mmF (22M/15F). + 01 nắp đậy + 01 co thẳng nối nguồn oxy, mềm, đầu cỡ 6 - 9 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	30
36	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn, 2 đường - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Bao gồm: bộ dây truyền tĩnh mạch chia đôi, 02 bộ cảm biến đo áp lực kèm 02 dây cáp, 02 dây nối chịu áp lực, chiều dài mỗi dây ít nhất 120 cm, 04 khóa ba ngã. - Phạm vi đo huyết áp -50 đến +300 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy monitor EV1000 tại Bệnh viện.	Bộ	42

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
37	Bộ đón bé chào đời	Bộ đón bé chào đời - Chất liệu: cotton, các phần bo bằng chất liệu thun - Bao gồm: + 01 Áo sơ sinh dài tay, kích thước: dài 27 cm, rộng 27 cm, tay dài 18 cm, có dây cột ngang áo + 01 Tã vải có miếng dán để cố định phía trước bụng (chiều dài từ phía trước ra sau 33 cm, chiều rộng mặt lưng 30 cm, chiều rộng mặt bụng 16 cm, chiều rộng đáy 10 cm) + 01 Nón: phần đầu 16 x 16 cm, phần thun 5 x 16 cm + 02 Bao tay: 7 x 8 cm, phần thun 3 x 5 cm + 02 Bao chân: rộng 9 cm, cao 4 cm, bàn chân 10 cm, phần thun 3 x 4 cm + 01 Khăn lông quần bé 70 x 140 cm + 02 Khăn sữa 25 x 30 cm, 2 - 3 lớp + 01 Khăn thấm 80 x 100 cm, chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Lưu ý: * Logo bệnh viện ĐHYD TPHCM được in/thêu trên nón, áo và khăn bông quần bé màu xanh dương; * Gồm 2 màu xanh dương và màu hồng * Không ra màu khi ngâm nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	6.500
38	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, dài 80 - 90 mm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn - Kim bằng thép không gỉ, dài 50 - 60 mm - Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G, 22G, dài 80 - 90 mm, khóa luer lock để cố định - Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 25 - 30 cm, 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	6.000
39	Bộ gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm cỡ 18G dài 50/100 mm	Bộ gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ, catheter bằng polyamid trong suốt - Bộ bao gồm: Kim cỡ 18G dài 50 mm/100 mm, Catheter cỡ 20G dài 50 - 90 cm, dụng cụ cố định catheter với bộ lọc, kẹp nối catheter, bộ lọc có kích thước 0.1 - 0.2 micromet, dây nối tiêm thuốc. - Đặc điểm: Kim đầu tù, hiển thị dưới siêu âm, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. Catheter cân quang, có vạch đánh dấu độ dài, lỗ mở trung tâm cho phép dòng chảy liên tục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	100
40	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống, cỡ 18G	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống - Kim gây tê ngoài màng cứng bằng thép không gỉ, đầu cong cỡ 18G, dài 85 - 90 mm - Kim gây tê tủy sống bằng thép không gỉ, cỡ 27G, dài 120 - 130 mm, chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh - Catheter cỡ 20G, bằng polyamid, không bị gãy gấp, dài 1000 - 1200 mm, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.1 - 0.2 micromet kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	10
41	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G	Bộ gây tê ngoài màng cứng - Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài 80 - 90 mm - Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài 1000 - 1200 mm, đầu thuận nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.1 - 0.2 micromet kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	4.000

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Kích thước 180/180 cm x 240 cm - Bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm + Có bao phủ chỉ + Có túi chứa dịch lỏng với màng lọc và ống nối + Có băng keo y tế - Có lỗ tròn 7 - 8 cm - Có màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt, lỗ bầu dục 8 x 5 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	170
43	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não - Bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) + 1 khăn chụp mạch vành có 3 lỗ và có túi chứa dịch: * Kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS 35 - 50 gsm và gia cố vải bán thấm 100 - 130 gsm * 02 lỗ dài đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * Túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng 25 - 35 cm, dài 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160, chất liệu vải không dệt SMMMS 35 - 50 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm 100 - 130 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 khay lớn 35 x 43 x 11 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 2 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton 8 - 12 lớp + 1 kim chọc 23G, 1 kim chọc 18G + 2 que thấm betadine dài 19 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - 4, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn	Bộ	3.000

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
44	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ khăn chụp mạch vành, Bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) + 1 khăn chụp mạch vành có 3 lỗ và có túi chứa dịch * kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS 35 - 50 gsm và gia có vải bán thấm 100 - 130 gsm * 02 lỗ đầu đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng 25 - 35 cm, dài 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160, chất liệu vải không dệt SMMMS 35 - 50 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm 100 - 130 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 1 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton 8 - 12 lớp + 1 kim chọc 23G + 1 kim chọc 18G + 2 que thấm betadine 19 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn	Bộ	3.000
45	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng, bao gồm: - 1 khay có 4 ngăn chứa dung dịch - 3 - 4 miếng gạc không dệt 8 - 10 lớp - 5 - 6 gòn viên đường kính 3 - 4 cm - 1 kẹp bông sát khuẩn dài 19 - 20 cm - 1 khăn có lỗ tròn 8 cm, 100 x 100 cm, chất liệu vải bán thấm - 1 khăn thấm 33 x 40 cm - 1 khăn trải bàn dụng cụ - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	2.100
46	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn mổ thận lấy sỏi qua da 200 x 270 cm + 1 Khăn có keo 80 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Bao chụp đầu đèn, kích cỡ L, đường kính 75 - 80 cm + Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo dính chặt + Túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nối - cấu tạo lỗ 15 x 15 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	Bộ khăn phẫu thuật chỉ	Bộ khăn phẫu thuật chỉ - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 50 - 55 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 1 Băng keo 9 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chỉ 240 x 310 cm + 1 Khăn hình chữ T có lỗ đàn hồi đường kính 6 cm + Có vị trí cố định các ống dây + 1 Khăn tiếp cận 80 x 100 cm + 1 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Bao chỉ dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.000
48	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan - Chất liệu vải bán thấm cao cấp 62 - 65 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Bao gồm: + 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm 200 x 300 cm + 4 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ nhựa và được gia cố lớp bán thấm 80 x 145 cm + 1 Khăn phẫu thuật ghép gan chất liệu thấm mặt trên 200/285 x 380 cm có vùng phẫu trường 70 x 100 cm, có vùng siêu thấm và băng keo + 1 băng keo 9 x 50 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	30
49	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan - Chất liệu vải bán thấm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Bao gồm + 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMS 200 x 300 cm + 4 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ nhựa và được gia cố lớp bán thấm 80 x 145 cm + 1 Băng keo 9 x 50 cm + 1 Khăn phủ đầu 150 x 250 cm + 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm + 2 Khăn phủ bên 80 x 98 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	120
50	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành - Chất liệu bằng vải không dệt SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm, chống tĩnh điện - Bao gồm: + 2 khăn trải bàn dụng cụ 160 x 220 cm + 1 khăn trải bàn dụng cụ 120 x 140 cm + 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm + 6 khăn có keo 80 x 120 cm + 1 khăn phủ đầu 230 x 280 cm (Trong đó vải không dệt 170 x 280 cm, nylon trong suốt 60 x 280 cm) + 1 khăn phủ chân 160 x 230 cm + 2 khăn phủ bên 100 x 150 cm + 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm + 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm + 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100 x 200 cm + 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn + 1 túi kim chỉ 18 x 20 cm: nhựa trong + 2 băng keo 9 x 50 cm + 1 khăn trải bàn 140 x 200 cm: nhựa trong - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
51	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ khăn phẫu thuật mắt - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn bằng đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 50 x 80 cm 1 Khăn phẫu thuật mắt 100 x 100 cm, có túi chứa dịch và màng phẫu thuật - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.200
52	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm 1 Khăn nội soi khớp gối 240 x 270 cm - Có túi chứa dịch chứa tối thiểu 54 lít 2 Băng keo 9 x 50 cm 2 Khăn thấm 30 x 40 cm 1 Bao chỉ dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	800
53	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm 1 Khăn U nhựa 160 x 230 cm, rãnh hình chữ U 12 x 75 cm có dán băng keo y tế 1 Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch 160 x 230 cm, có ống nối 1 Băng keo 9 x 50 cm 1 Bao chỉ trên 23 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài 2 Khăn thấm 30 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	500
54	Bộ khăn phẫu thuật sọ	Bộ khăn phẫu thuật sọ - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 50 - 55 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm 1 Khăn phẫu thuật sọ 250 x 300 cm, với vùng thấm mỏng vừa đủ kích thước 40 x 45 cm - Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính tốt, kích thước 20 x 25 cm - Túi chứa dịch lỏng có nút xả (không có dây, miệng túi 70 cm, cao 40 cm) - Tấm cố định ống dây 1 Khăn đa dụng 70 x 160 cm 4 Khăn có keo 45 x 60 cm 1 Băng keo 9 x 50 cm 2 Khăn thấm 30 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	700

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn	Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn - Chất liệu vải không dệt SMMMS, chống tĩnh điện, chống thấm. - Bao gồm: 2 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 280 cm 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm 5 khăn có keo 100 x 120 cm 1 khăn phủ đầu 200 x 250 cm (Trong đó vải không dệt 150 x 250 cm, nylon trong suốt 50 x 250 cm) 1 khăn phủ chân 300 x 350 cm 2 khăn phủ bên 100 x 140 cm 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 2 khăn không keo 100 x 100 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm 1 túi kim chỉ 15 x 20 cm 2 băng keo 9 x 50 cm 4 khăn thấm 30 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	430
56	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em - Chất liệu vải không dệt, không thấm, chống tĩnh điện - Bao gồm: 2 khăn phủ bàn dụng cụ 160 x 200 cm 1 khăn phủ vùng sinh dục 12 x 20 cm 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn 6 băng keo 10 x 50 cm 2 khăn phủ bên 100 x 140 cm 1 khăn phủ dưới chân 200 x 250 cm 1 khăn phủ trên đầu 150 x 230 cm (Trong đó vải không dệt 100 x 250 cm, nylon trong suốt 50 x 230 cm) 4 khăn có keo 80 x 120 cm 4 khăn thấm 40 x 57 cm, chất liệu vải siêu thấm 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm 1 khăn không keo 90 x 100 cm 1 túi kim chỉ 20 x 18 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	170
57	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm 1 Băng keo 9 x 50 cm 4 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 1 Khăn phủ đầu 160 x 250 cm 2 Khăn phủ bên 100 x 120 cm 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm 1 Túi kim chỉ 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, bám dính - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.600

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
58	Bộ khăn sanh mổ có túi	Bộ khăn sanh mổ có túi Bao gồm: - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) - 1 Khăn sanh mổ có túi chứa dịch: + khăn sanh mổ: * Kích thước 240 x 455 cm * Chất liệu vải bán thấm 60 - 70 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có vùng thấm hút đặc biệt xung quanh phẫu trường + Màng phẫu thuật: * Kích thước 30 x 32 cm * Chất liệu Polyurethane mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật + Túi chứa dịch * kích thước 75 x 105 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml từ 0 - 2000 ml - 1 Khăn lót nôi 98 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm 60 - 70 gsm - 4 Khăn thấm 30 x 40 cm chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm - 2 Khăn em bé 60 x 100 cm chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - 4, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	3.800
59	Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường Bao gồm: - 1 khăn trải bàn dụng cụ 120 x 140 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) - 2 tấm phủ 80 x 100 cm, chất liệu vải SMMMS 35 - 50 gsm có băng keo y tế không dính ứng đa - 1 khăn trải dưới mỏng có túi chứa dịch: + kích thước khăn 80 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm 60 - 70 gsm + túi chứa dịch: * kích thước 55 x 80 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml từ 0 - 2000 ml - 3 khăn lót bán thấm 80 x 80 cm, chất liệu vải bán thấm 60 - 70 gsm - 1 khăn lót bán thấm 60 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm 60 - 70 gsm - 2 khăn lau bé 80 x 80 cm, chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - 4, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	2.500
60	Bộ khăn phụ khoa	Bộ khăn phụ khoa Bao gồm: - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 43 - 50 gsm) - 1 Khăn phụ khoa có lỗ và túi chứa dịch: + Khăn phụ khoa có lỗ: * kích thước khăn 180/230 x 240 cm * chất liệu khăn bằng vải không dệt cao cấp SMMMS từ 43 - 50 gsm * có băng keo y tế không dính cố định xung quanh lỗ, đường kính 15 cm + túi chứa dịch: * kích thước 58 x 64 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml từ 0 - 2000 ml - 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm 65 - 70 gsm - 1 Băng keo y tế cố định ống dây, kích thước 10 x 50 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Các đường nối được ép chắc chắn - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - 4 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	50

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Bộ mở da dày qua da bơm bóng loại thay thế	Bộ mở da dày qua da bơm bóng loại thay thế - Chất liệu silicone - Bao gồm: miếng chặn, gác, ống thay thế đường kính ≥ 24 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	20
62	Bộ mở da dày qua da bằng silicon	Bộ mở da dày qua da - Chất liệu bằng silicon - Bao gồm: Ống nuôi ăn ≥ 24 Fr, thông lộng kéo, dây dẫn, kim chọc, miếng dán cố định - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	30
63	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Cán dài 16 - 18 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế bằng đạn để bắn ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với bằng đạn "bằng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	100
64	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 16 - 18 Fr	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 16 - 18 Fr - Chiều dài 35 - 40 cm - Bao gồm 01 ống thông tiểu 2 nhánh có bóng dung tích 5 - 10 ml, 01 cây chọc dò trocar, 01 lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	50
65	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Sử dụng được ≥ 90 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN II	Cái	22
66	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục * Cảm biến đo đường huyết liên tục - Trọng lượng ≤ 5 gr - Kích thước ≤ 40 mm - Phạm vi chỉ số glucose ít nhất trong khoảng 40 - 500 mg/dL hoặc lớn hơn - Thời gian sử dụng cảm biến có thể lên đến 14 ngày - Có thể hoạt động được ở nhiệt độ tối thiểu ≤ 15 độ C, tối đa ≥ 40 độ C - Cấu tạo chống nước - Thiết bị đọc kết quả - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	300
67	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23 kHz	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu - Có nắp bọc nút bấm bằng silicone, giắc nối 3 chân bằng đồng - Tương thích với tay dao mổ siêu âm 23 kHz cho phép phẫu thuật siêu âm và cầm máu bằng điện cùng một lúc, ngay trên cùng 1 tay dao - Tương thích tay dao CUSA 23 kHz tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	90

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng	Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng, hiển thị hình ảnh trực tiếp khi được kết nối với bộ xử lý hình ảnh Bao gồm tay cầm điều khiển và phần thân ống soi Tay cầm bao gồm 3 cổng • Một cổng kênh làm việc để dẫn đường các phụ kiện • Một cổng hút để loại bỏ chất lỏng qua kênh làm việc tùy chọn • Một cổng tưới để bơm các dung dịch tưới thông qua hai kênh tưới rửa chuyên dụng - Hướng quan sát nhìn thẳng - Trường quan sát 110 - 120 độ - Đường kính đầu ống soi 3 - 4 mm - Đường kính thân ống soi 3 - 4 mm - Đường kính kênh làm việc 1 - 1.5 mm - Khả năng uốn cong 20 - 30 độ - Chiều dài làm việc 210 - 215 cm - Dụng cụ đi kèm 1 cổng chữ Y	cái	10
69	Bóng gây mê 0.5 - 3 lít, dùng 1 lần	Bóng gây mê - Chất liệu: bằng cao su - Các cỡ 0.5 lít, 1 lít, 2 lít và 3 lít - Co nối đường kính 22 mm F - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	60
70	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng kéo sỏi ống mật chủ	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng để kéo sỏi ống mật chủ - Chất liệu bóng bằng latex - Có 3 kênh làm việc: dây dẫn, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cân quang - Đường kính bóng tối đa ≤ 20 mm - Đường kính đầu cuối ≥ 5.5 Fr - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Đường kính kênh làm việc ≥ 2.8 mm - Có 2 đai cân quang ở đầu và cuối bóng - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	80
71	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ từ 8 - 10 - 12 mm	Bóng nong đường mật - Chất liệu Pebax, siêu bền, không thấm nước - Đường kính dây dẫn bóng 7 - 8 Fr, dài 160 - 180 cm, chiều dài bóng 5 - 6 cm, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ từ 8 - 10 - 12 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích dây dẫn 0.025" - 0.035"	cái	15
72	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng 8 - 20 mm	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng 3 mức bơm 12 mm, 15 mm, 18 mm, có dây dẫn - Đường kính bóng 8 - 20 mm - Chiều dài bóng ≥ 5.5 cm - Áp suất bóng 2 - 8 atm (30 - 120 psi) - Chiều dài catheter ≥ 240 cm - Đường kính catheter ≥ 8 Fr - Đường kính kênh làm việc ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	6
73	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông - Thành phần hoạt chất Hyaluronic acid ổn định 16 mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1 ml - Kim 33G, bằng thép không gỉ, dài 4 mm - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ông	360

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
74	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 6 - 8 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu titanium - Kích cỡ 6 - 8 Fr - Chiều cao khoảng 8 - 10 mm - Trọng lượng: 2 - 5 g - Thể tích tối đa 0.5 ml - Áp suất tối đa 325 psi - Chiều dài catheter 60 cm - Tương thích MRI và CT - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	70
75	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20 mg/ml, Lidocain 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Kim 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Tiệt khuẩn - Thể tích ống tối thiểu 1ml - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ông	216
76	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7.5 Fr, dài ≥ 110 cm	Catheter đo cung lượng tim liên tục đo các chỉ số CCO/SVO2/RV/EDV - Catheter bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Cỡ 7.5 Fr, dài ≥ 110 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với monitor Vigilance của Bệnh viện	Cái	40
77	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu - Thành phần: Hyaluronic acid 15 mg/ml bán liên kết chéo, 0.3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất - Kim 30G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ông	400
78	Điện cực dán, đo hoạt động não khi gây mê dùng cho người lớn	Điện cực dán đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho người lớn - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 25 - 28 cm - Trọng lượng 3.5 - 4.0 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA và Monitor Nihon Kohden BSM-3763/BSM-3562 tại Bệnh viện	Cái	360
79	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo - Thành phần trong 50 ml: + Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1.6% + Sodium chondroitin sulphate 2% + Calcium chloride dihydrate 0.87% + Nước tinh khiết 100% + Sai số cho phép ± 5% - Tiệt khuẩn	Ông	140
80	Catheter lấy huyết khối, các cỡ 2 - 7 Fr	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: bóng bằng cao su, catheter bằng Pebax - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 2 - 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng 4.5 - 14 mm - Thể tích bóng 0.05 - 1.8 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
81	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch bằng pebax, đường kính 6 - 14 mm	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: bóng bằng cao su, catheter bằng pebax - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 3 - 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng 6 - 14 mm - Thể tích bóng 0.2 - 1.8 ml - Dây dẫn 0.018 - 0.038" - Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	70
82	Đầu kim đốt Laser phẫu thuật thanh quản	Đầu kim đốt Laser phẫu thuật thanh quản, dây thanh, Amydal - Cấu tạo: bên trong là sợi quang học dẫn truyền, có vỏ inox bảo vệ, đầu cắt vát - Chiều dài khoảng 240 - 250 mm - Có thể uốn cong - Tiệt khuẩn	Cái	24
83	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20 mg/ml, Lidocain 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - Kim 29G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ông	184
84	Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da	Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da - Thành phần chính 32 mg (H-HA) + 32 mg (L-HA) muối natri axit hyaluronic, thành phần khác: natri clorua, natri photphat và nước - Kim 29G, bằng thép không gỉ - Dạng gel trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 2ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Hộp	360
85	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa - Kích thước 6 - 14 Fr - Chiều dài catheter khoảng 30 - 42 cm - Điểm đánh dấu cân quang được gắn trên thân ống, có 8 đến 9 lỗ thoát dịch - Kích thước lỗ > 2 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía dưới ống dẫn lưu - Đầu tip cong hình đuôi heo, đầu nhọn và lớp phủ ái nước. - Kèm: kim chọc, trocar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	180
86	Đầu nối tay khoan loại cong	Đầu nối tay khoan loại cong - Chất liệu: thép không gỉ - Tương thích với mũi khoan 50 - 80 mm cùng hãng - Tương thích với máy khoan model IPC	Cái	2
87	Chất làm đầy dùng cho vùng mặt	Chất làm đầy dùng cho vùng mặt - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20 mg/ml, Lidocain hydrochlorid 3 mg/ml, dung dịch muối đệm phosphat - Kim 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	hộp	60
88	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da - Chất liệu bằng nhựa - Dạng thẳng, có đầu thuôn dần để nong rộng đường hầm - Kích cỡ 8 - 18 Fr - Tiệt khuẩn	Bộ	50

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
89	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 7-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày. - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 9.3 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE))	Tép	624
90	Chất làm đầy dùng cho lớp mỡ dưới da	Chất làm đầy dùng cho lớp mỡ dưới da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo dạng gel 20 mg/ml và lidocain 3 mg. Dung dịch đệm phosphate pH = 7.2 - Kim 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Ống	120
91	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da hoặc niêm mạc môi	Chất làm đầy dùng cho lớp mỡ dưới da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo dạng gel 20 mg/ml và lidocain 3 mg. Dung dịch đệm phosphate pH = 7.2 - Kim 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Ống	120
92	Đầu nối tay khoan loại thẳng	Đầu nối tay khoan loại thẳng - Chất liệu: thép không gỉ - Tương thích với mũi khoan khoảng 50 - 80 mm cùng hãng - Tương thích với máy khoan model IPC	Cái	2
93	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử từ 1 - 3 triệu Dalton	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo: - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử từ 1 - 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	800
94	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo: - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	600
95	Chỉ khâu không tiêu, bằng nylon, đơn sợi, số 10-0, dài ≥ 30 cm, 2 kim, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, khâu kết mạc, giác mạc và củng mạc - Chỉ bằng nylon, số 10-0, dài ≥ 30 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, thuận nhọn, bằng thép Alloy, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	84
96	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 16 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay hoặc sửa van động mạch chủ, van hai lá hoặc van ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2/0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 16 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE 3 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	60
97	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	144

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	54
99	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	150
100	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C, miếng đệm 7 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C - Miếng đệm bằng PTFE 7 x 3 mm - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	120
101	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	174
102	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	168
103	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiết khuẩn, đóng gói tép/8 - 10 sợi: 4 - 5 sợi xanh, 4 - 5 sợi trắng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	144
104	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi - Chỉ bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.440
105	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	216

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
106	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn, đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.880
107	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn, đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 9.3 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	324
108	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 7 - 8 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu bằng titanium - Chiều cao khoảng 11 - 12 mm - Catheter cỡ 7 - 8 Fr, làm bằng silicon, đầu đóng van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn - Chụp được dưới CT và MRI - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	60
109	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.664
110	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.320
111	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3/0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.296
112	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	516
113	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	612
114	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.312

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
115	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	60
116	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhón, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	612
117	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	540
118	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	252
119	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhón, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.044
120	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhón, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.368
121	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhón, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	900
122	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	672
123	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 11 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	360

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
124	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, dài 9.3 mm, 3/8 C, bằng thép Alloy, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.140
125	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	432
126	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 9 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 9 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.448
127	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 8 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, 8 mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	936
128	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 6 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, số 8-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 6 mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.008
129	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim, dài 6.5 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim tròn đầu tròn, bằng thép Alloy, dài 6.5 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	12
130	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm - 1 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	144
131	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 45 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 45 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.368
132	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 90 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	252

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
133	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 90 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	540
134	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	6.912
135	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim thẳng, bằng thép Alloy, dài 60 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	972
136	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 70 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	12.024
137	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	22.200
138	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.728
139	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 9 N - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.780
140	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 6 N - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.880
141	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 12 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	280
142	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 9-0, dài ≥ 10 cm, 1 kim, dài 5.1 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 9-0, dài ≥ 10 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 5.1 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	110

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
143	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 1, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) 50 N - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.600
144	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	512
145	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 11 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.728
146	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	720
147	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	720
148	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	1.260
149	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.620
150	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 1 kim tròn đầu nhon, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.296

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
151	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.4 Kgf - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.204
152	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.4 Kgf - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	12.996
153	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), - 1 kim tròn, đầu tròn thuôn nhọn, bằng thép Alloy, dài 25 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.996
154	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.9 Kgf - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.024
155	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	5.760
156	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 4-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.6 Kgf - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép Alloy, phủ silicon, dài 13 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	1.080
157	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 5-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.4 Kgf - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	600
158	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, dùng trong phẫu thuật mắt - Chỉ bằng kén tằm, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim hình thang, bằng thép Alloy, dài 6 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tép	144

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
159	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	6.996
160	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	3.000
161	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Tép	3.000
162	Chỉ khâu liền kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 180 mm, kim 17G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chất liệu chỉ Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 180 mm, thời gian tiêu ≥ 6 tháng - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai đúc - 1 kim đầu tù, bằng thép không gỉ, 17G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Đóng gói theo hộp, hộp tối thiểu 10 cây - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Hộp	120
163	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 300 mm, kim 21G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 300 mm, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai đúc - 2 kim đầu tù, bằng thép không gỉ, 21G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cây	48
164	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da, số 5-0, dài ≥ 70 mm, kim 27G, dài 40 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 5-0, dài ≥ 70 mm, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, 27G, dài 40 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Đóng gói theo hộp. hộp tối thiểu 100 cây - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Hộp	120
165	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da, số 6-0, dài ≥ 50 mm, kim 29G, 40 mm	Chỉ khâu liền kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da - Chỉ Polydioxanone, độ dày chỉ 6-0, dài ≥ 50 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 29G, dài 40 mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cây	19.500
166	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da, số 6-0, dài ≥ 70 mm, kim 29G, 50 mm	Chỉ khâu liền kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da - Chỉ Polydioxanone, độ dày chỉ 6-0, dài ≥ 70 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 29G, dài 50 mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cây	5.000
167	Chỉ khâu liền kim, dùng điều trị và trẻ hóa làn da, số 7-0, dài ≥ 30 mm, kim 31G, 30 mm	Chỉ khâu liền kim ứng dụng điều trị và trẻ hóa làn da - Chỉ Polydioxanone, độ dày chỉ 7-0, dài ≥ 30 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, cỡ kim 31G, dài 30 mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cây	26.300

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
168	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chất liệu chỉ Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 180 mm - Có nút xoắn giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 1 kim đầu tù, bằng thép không gỉ, 18G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	136
169	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ, số 0, dài ≥ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, độ dày chỉ 0, dài ≥ 180 mm, chỉ gai dúc. - Có nút xoắn giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 Kim đầu tù, bằng thép Alloy, cỡ kim 18G, dài 100 mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cây	120
170	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 160 mm, kim 19G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 160 mm - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 1 Kim đầu tù, bằng thép không gỉ, 19G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	100
171	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 120 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	972
172	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng sợi collagen, số 2-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 36 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	30
173	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 26 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 3-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tép	3.500
174	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng sợi collagen, số 2-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tép	600
175	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng sợi collagen, số 1, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 40 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	180
176	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng sợi collagen, số 4-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	2.332

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
177	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer, số 3-0, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài ≥ 30 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	252
178	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer, số 4-0, dài ≥ 15 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim tròn đầu tròn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	264
179	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer, số 1, dài ≥ 90 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	900
180	Chỉ khâu tiêu, bằng Glycomer, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer, số 2-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	2.304
181	Chỉ khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 74 N - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.200
182	Chỉ khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 0, chỉ dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 52 N - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	360
183	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.224
184	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0 dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 210 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	144
185	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim tròn, đầu tròn thuận nhon, dài 26 mm, 1/2 C, bằng thép Alloy, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	396

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
186	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 30 cm, phủ chất kháng khuẩn - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim tròn đầu tròn thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	72
187	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	5.004
188	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 210 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	2.988
189	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim tròn, đầu tròn thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.008
190	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim tròn đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 9.3mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	720
191	Miếng và tạo hình cân cơ thái dương trái /phải	Miếng và tạo hình cân cơ thái dương trái /phải - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Miếng ghép có nhiều cuống, trái/phải, các cỡ 76 x 61 x 19 mm; 90 x 73 x 19 mm; 101 x 85 x 19 mm - Kích cỡ sai số cho phép ± 10% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
192	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 1, dài ≥ 45 cm, phủ chất kháng khuẩn, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm, lực giữ vết mổ 50 - 55% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim tròn, đầu tròn thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	120
193	Chỉ khâu tiêu, bằng Polyglecaprone, đơn sợi số 3-0, dài ≥ 20 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 20 cm, có chất kháng khuẩn, lực giữ vết mổ 25 - 30% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn < 120 ngày - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30 - 35%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim tròn, đầu tròn thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	216

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
194	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi, tổng hợp - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng của chỉ đạt 70 - 80% ít nhất 1 tuần, và 40 - 50% ít nhất 4 tuần. Tiêu hoàn toàn sau 180 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	220
195	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi, tổng hợp - Chỉ bằng polyglyconate, có gai, hướng gai 1 chiều, 1 đầu có vòng không cần buộc, số 0, dài ≥ 30 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	210
196	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 2-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate, số 2-0, dài ≥ 30 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	90
197	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 24 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn sau 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.708
198	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 36 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	2.360
199	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu nhanh, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	600
200	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn < 42 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.786
201	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 14 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	360

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
202	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 6 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	782
203	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 13 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	600
204	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, số 1, dài ≥ 90 cm, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 138 - 140% và còn 30 - 40% sau 3 tuần (tiêu chuẩn dược điển Mỹ) - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2C, kim phủ silicone - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	7.992
205	Chỉ khâu tiêu, bằng lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 mm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.016
206	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 0, dài ≥ 90 mm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	4.680
207	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 2-0, dài ≥ 75 mm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.764
208	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 3-0, dài ≥ 75 mm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	8.100
209	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 51 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	648

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
210	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 66 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.452
211	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 22 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	252
212	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	5.400
213	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	864
214	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	10.476
215	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim tam giác, vòng phức hợp, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	360
216	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.024
217	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 5-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	280

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
218	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.152
219	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 11 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	180
220	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	36
221	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 1, dài ≥ 70 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	4.680
222	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 1, dài ≥ 90 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.748
223	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, có kháng khuẩn, số 5-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	564
224	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 30 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 49 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 30 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	3.168
225	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi kháng khuẩn - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 49 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	864

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
226	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi, kháng khuẩn - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 26 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.440
227	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi, kháng khuẩn - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	3.600
228	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	180
229	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglytone 6211, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyglytone 6211, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết thương 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 60 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	804
230	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.4 Kg ^f - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	2.340
231	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	960
232	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.9 Kg ^f - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	4.068
233	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	2.604

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
234	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 4-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.6 Kgf - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	600
235	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 5-0, dài ≥ 60 cm, lực giữ vết mổ ít nhất 11 tháng, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.4 Kgf - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	480
236	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 1, dài ≥ 150 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 1, dài ≥ 150 cm, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	1.320
237	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu vàng	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu vàng - Kích thước: dài 40 - 45 cm, rộng 1 - 1.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	144
238	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu xanh	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu xanh - Kích thước: dài 70 - 75 cm, rộng 2 - 2.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	864
239	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu đỏ	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu đỏ - Kích thước: dài 40 - 45 cm, rộng 1 - 1.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	432
240	Chỉ thép số 5, dài 42 - 45 cm, kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài 42 - 45 cm - Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 -5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	244
241	Chỉ thép số 5, dài 45 - 47 cm, kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài 45 - 47 cm - Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 -5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	332
242	Chỉ thép điện cực, số 2-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 60 - 65 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 2-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 60 - 65 mm, thân kim có khắc bẻ để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	300

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
243	Chỉ thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 13 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 50 - 55 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 13 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 50 - 55 mm, phủ silicon, thân kim có khắc bề để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	792
244	Chỉ thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 85 - 90 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 85 - 90 mm, thân kim có khắc bề để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	60
245	Chỉ thép số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 1 Chất liệu bằng thép không gỉ, số 1, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 - 5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	84
246	Chỉ thép số 2, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 2 Chất liệu bằng thép không gỉ, số 2, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5Kgf - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 - 5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	60
247	Chỉ thép số 3, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 3 Chất liệu bằng thép không gỉ, số 3, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon, sáp,...) - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 - 5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	72
248	Chỉ thép, số 4, dài 45 - 50 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 4 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 4, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, 1 tép/4 - 5 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	136
249	Clip đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	Clip đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi - Chất liệu bằng Nitinol - Bao gồm bộ tay quay bung clip, cáp chụp ống soi và bung bằng sợi chỉ - Đường kính nắp chụp 11 - 14 mm - Độ sâu nắp chụp 3 - 6 mm - Chiều dài clip 9 - 11 mm - Tổng chiều dài 165 - 220 cm - Hình dạng răng ≥ 3 hình dạng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
250	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 2.8 - 2.9 mm	Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao clip khi mở 2.8 - 2.9 mm, chiều rộng clip khi mở 1.9 - 2 mm, chiều cao clip khi đóng 3.6 - 3.65 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số 137081 có tại Bệnh viện	Cái	5.580

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
251	Clip mạch máu 2 thì, chiều cao clip khi mở 3.4 - 3.6 mm	- Clip mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 3.4 - 3.6 mm, chiều rộng clip khi mở 4.2 - 4.4 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích kèm kẹp clip mã PL604R tại Bệnh viện	Cái	720
252	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 4.8 - 5 mm	- Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 4.8 - 5 mm, chiều rộng clip khi mở 6 - 6.2 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích cán clip mã số FB235R/FB236R có tại Bệnh viện	Cái	5.040
253	Clip mạch máu 2 thì, chiều cao clip khi mở 7.20 - 7.25 mm	- Clip mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 7.20 - 7.25 mm, chiều rộng clip khi mở 8.20 - 8.25 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích kèm kẹp clip mã PL606R tại Bệnh viện	Cái	576
254	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 1.91 - 1.92 mm	- Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 1.91 - 1.92 mm, chiều rộng clip khi mở 1.90 - 1.93 mm, chiều cao clip khi đóng 2.2 - 2.5 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với kim kẹp clip mã số 537081 có tại Bệnh viện	Cái	540
255	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 2.80 - 2.90 mm	- Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao clip khi mở 2.80 - 2.90 mm, chiều rộng clip khi mở 2.05 - 2.10 mm, chiều cao clip khi đóng 3.65 - 3.70 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số 237082 có tại Bệnh viện	Cái	7.560
256	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 4.60 - 4.70 mm	- Clip mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao clip khi mở 4.60 - 4.70 mm, chiều rộng clip khi mở 3 - 3.05 mm, chiều cao clip khi đóng 5.85 - 5.90 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số 237081 có tại Bệnh viện	Cái	16.200
257	Clip mạch máu, chiều cao clip khi đóng 3.6 - 3.7 mm	- Clip kẹp mạch máu cỡ nhỏ - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 3 - 3.2 mm, chiều dài clip khi đóng 3.6 - 3.7 mm - Clip hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số LX107 có tại Bệnh viện	Cái	6.120

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	Clip mạch máu, chiều cao clip khi đóng 5 - 5.5 mm	Clip kẹp mạch máu cỡ trung bình - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 3.8 - 4.2 mm, chiều dài clip khi đóng 5 - 5.5 mm - Clip hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số LX207 có tại Bệnh viện	Cái	5.040
259	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 6 - 6.4 mm	Clip kẹp mạch máu cỡ trung bình-lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 6 - 6.4 mm, chiều dài clip khi đóng 8.8 - 9 mm - Clip hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số EL314 có tại Bệnh viện	Cái	14.040
260	Clip mạch máu, chiều cao clip khi mở 7 - 7.5 mm	Clip kẹp mạch cỡ lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao clip khi mở 7 - 7.5mm, chiều dài clip khi đóng 12 - 12.3 mm - Clip hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số EL414 có tại Bệnh viện	Cái	2.520
261	Clip mạch máu, đường kính 3 - 16 mm	Clip mạch máu - Chất liệu Polymer - Đường kính 3 - 16 mm - Có gai sọc thân clip chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với kim kẹp clip mã số 544170, 544180, 544191 / 544965, 544995, 544990 có tại Bệnh viện	Cái	42.000
262	Stent dẫn lưu mật mũi dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Stent dẫn lưu mật mũi dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Stent mật mũi loại hình đuôi heo, có phần đầu uốn cong, đoạn cuối dụng cụ có đánh dấu - Đường kính stent ≥ 7 Fr - Chiều dài ≥ 2550 mm - Tương thích dây dẫn hướng 0.025 - 0.035" - Phù hợp kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1
263	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dao có 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn 0.025 - 0.035" và cho kênh bơm cân quang - Phủ lớp cách điện ở đoạn đầu dây cắt, đoạn đầu thuận dài và được đánh dấu cân quang trên dao - Chiều dài dao ≥ 25 mm - Chiều dài đoạn đầu ≥ 7 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1700 mm - Đường kính đoạn đầu ≥ 4.5 Fr - Có vị trí đánh dấu 1/3 và 1/2 dao - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Dao có thể được điều khiển căng hoặc dẫn bằng tay cầm - Có bộ nối gắn kết với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	80

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
264	Dao mổ điện lưỡng cực trong mô nội soi, dài 30 - 40 cm, đường kính 5 mm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mô nội soi - Kích thước * Chiều dài 30 - 40 cm, đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, đầu cong 20 - 25 độ - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy Valleylab FT10	Cái	100
265	Dao cắt hót dưới niêm mạc trong nội soi dạ dày	Dao cắt hót dưới niêm mạc, có đầu cách điện dùng trong nội soi dạ dày - Chất liệu đầu cách điện bằng sứ - Chiều dài dao ≥ 4 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1650 mm - Đường kính đầu cuối cách điện ≤ 2.2 mm - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	7
266	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo 20 mg/ml. Lidocain hydrochlorid 3 mg/ml. - Dung dịch muối đệm phosphat - Kim 29G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	60
267	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình núp dùng trong nội soi tiêu hóa	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình núp dùng trong nội soi tiêu hóa - Đầu dao hình núp có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại được điều khiển bằng tay cầm, và có kênh phun nước - Đường kính dao ≤ 0.3 mm - Chiều dài dao 1.5 - 2.0 mm - Chiều cao của núp khi thu ngắn còn ≥ 0.1 mm - Chiều dài làm việc 1650 - 2300 mm - Đường kính dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	5
268	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình tam giác trong nội soi tiêu hóa	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình tam giác dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài dao cắt 4.5 - 4.7 mm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh phun nước - Chiều dài đoạn đầu hình tam giác ≥ 0.4 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1650 mm - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	5
269	Dao cắt dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dao cắt có 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn 0.025-0.035" và kênh bơm cân quang - Phủ lớp cách điện, đoạn đầu trơn dài và được đánh dấu cân quang - Đường kính ≥ 5 Fr - Chiều dài làm việc ≥ 1700 mm - Chiều dài dao kim ≥ 5 mm - Chiều dài phần dao kim không phủ lớp cách điện ≥ 3 mm - Chiều dài kênh làm việc ≥ 2.8 mm - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
270	Dao hình lưỡi liềm	Dao hình lưỡi liềm - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cạnh mài ngang, hai mặt vát, đầu tròn, gấp góc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	36

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
271	Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật nạo V.A và cắt Amidan	Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật nạo V.A và cắt Amidan Gồm 2 lưỡi cắt và tay dao rời nhau - Lưỡi cắt: 1 lưỡi thẳng dẹp dùng để cắt amidan, 1 lưỡi hình tròn cong, có sợi đốt bằng vonfram dùng để nạo V.A, chiều dài lưỡi 7 - 9 cm - Tay dao bằng nhựa, có hai nút cắt và nút đốt, vị trí kết nối với dây hút dịch - Chiều dài toàn bộ dây tay dao khoảng 3 - 3.2 m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	36
272	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, lưỡi dao cong 35 - 40 độ	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài 20 - 21 cm * Chiều dài lưỡi dao 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong 35 - 40 độ - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy Valleylab FT10	Cái	200
273	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ mắt phaco - Chất liệu: lưỡi dao bằng thép, tay cầm nhựa - Cấu tạo mặt vát 45 độ - Chiều rộng từ 2.2 - 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	720
274	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, cán dao dài 8 - 10 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài 8 - 10 cm * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11	Cái	300
275	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, dài 30 - 40 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài 30 - 40 cm, đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11	Cái	480
276	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi, dài 30 - 40 cm, đường kính 5 mm	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi - Kích thước * Chiều dài 30 - 40 cm, đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Tích hợp hàn mô bằng siêu âm và điện lưỡng cực - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích hệ thống máy cắt đốt thunderbeat	Cái	60

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
277	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, đường kính 5 mm, dài 10 - 40 cm	- Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, tần số $\geq 55000\text{Hz}$ - Chiều dài 10 - 40 cm, đường kính 5 mm - Chiều dài lưỡi dao 5.0 - 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa $\geq 5\text{ mm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm	Cái	30
278	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở, đường kính 1.9 - 2 mm, dài 7.9 - 8 cm	- Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 1.9 - 2 mm, dài 7.9 - 8 cm, biên độ dao động 287 - 355 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 3.5 - 3.6 g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy CUSA Excel hiện có tại bệnh viện	Cái	50
279	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở, đường kính 2.6 - 2.7 mm, dài 7.9 - 8 cm	- Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 2.6 - 2.7 mm, dài 7.9 - 8 cm, biên độ dao động 254 - 307 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 3.8 - 4.0 g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy CUSA Excel hiện có tại bệnh viện	Cái	10
280	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ nội soi đường kính 1.9 - 2 mm, dài 30 - 31 cm	- Đầu dao 23kHz dùng trong mổ nội soi tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 1.9 - 2 mm, dài 30 - 31 cm, biên độ dao động 178 - 229 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng 32 - 33 g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Kèm 6 đầu phun dịch - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy CUSA Excel hiện có tại bệnh viện	Cái	50
281	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, có đầu vác một bên	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa. - Đường kính 1.5 - 2.3 mm - Chiều dài 1.5 - 3 m - Có đầu vác một bên - Có bộ kết nối với máy đốt điện Argon Plasma (bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Chiếc	5
282	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, có đầu vác tròn	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa - Đường kính 1.5 - 2.3 mm - Chiều dài 1.5 - 3 m - Có đầu vác tròn - Có bộ kết nối với máy đốt điện Argon Plasma (bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Chiếc	7
283	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính ngoài $\leq 19\text{ mm}$, góc vát xiên - Có rãnh cố định thông lọng - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	7
284	Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Chiều dài từ đầu cuối ống soi $\leq 4\text{ mm}$, có lỗ bên - Đường kính ngoài 11 - 15 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	204

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
285	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh (dịch, máu...) - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Gồm bình chứa 110 - 120 ml với bộ lọc 245 - 250 micron và bộ lọc kỵ nước để loại bỏ khí, cụm đầu 3 dây lấy dịch, bộ trao đổi nhiệt, ngăn áp suất và bộ khử khí, dây nối người bệnh dài 120 - 140 cm, kèm cổng tiêm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang có tại Bệnh viện	Bộ	15
286	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu cong	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu tù cong 40 độ, đường kính 4 - 5 mm, dài 10 - 12 cm - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Tốc độ hoạt động 3500 - 5000 vòng/phút - Có cổng gắn với dây nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC	Cái	150
287	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu thẳng	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Lưỡi thẳng, đường kính 4 - 5 mm, dài 10 - 12 cm, đầu cắt tù - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Có cổng gắn với dây nước - Kèm 01 dây nước - Tốc độ hoạt động 3500 - 5000 vòng/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC	Cái	84
288	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm - Tần số dao động ≥ 55000 lần/giây - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - Có thể tái sử dụng lên đến 100 lần - Có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	2
289	Rọ bắt sỏi qua ống soi mềm, loại nhỏ	Rọ bắt sỏi - Kích cỡ 1.8 - 2.2 Fr - Chiều dài 118 - 120 cm - Cấu tạo loại 4 cạnh, đầu tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích ống soi mềm loại nhỏ	cái	30
290	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản - Chất liệu không mù cao su - Có kênh phun nước - Đầu thắt trong suốt, có thể nhìn được vật đối diện, có móc kéo dây, có ống nối bơm rửa - Tương thích đầu ống soi 8 - 12 mm - Đường kính trong đầu thắt ≥ 9.5 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	bộ	450
291	Lưỡi cưa các loại, dùng trong phẫu thuật	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cấu tạo: lưỡi hình răng cưa, dây từ 0.3 - 0.6 mm, độ sâu của cạnh lưỡi cắt từ 12 - 39 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích tay cưa tĩnh tiền, gấp góc dùng với máy khoan model IPC	Cái	54

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
292	Dây cưa sọ dài 400 - 410 mm	Dây cưa sọ - Bằng thép không gỉ - Cấu tạo mảnh xoắn có thể uốn cong - Dài 400 - 410 mm, đường kính 1.4 - 1.5 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	120
293	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.035 - 0.038", dài tối thiểu 150 cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng nitinol phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE), đầu phủ lớp ưa nước (hydrophilic) - Đường kính 0.032 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm - Có cân quang ở đầu dây dẫn, đầu mềm thân cứng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	200
294	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.023 - 0.026"	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài 0.023 - 0.026" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước dài ≥ 70 mm - Dây dẫn đánh dấu ≥ 420 cm từ đoạn đầu để hỗ trợ khi đo lường, vị trí 5 - 7 cm, có đánh dấu cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20
295	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.032 - 0.036"	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài 0.032 - 0.036" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước dài ≥ 70 mm - Dây dẫn đánh dấu ≥ 420 cm từ đoạn đầu để hỗ trợ khi đo lường, vị trí 5 - 7 cm, có đánh dấu cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	30
296	Dây dẫn đường trong phẫu thuật bằng chất PTFE, đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	Dây dẫn đường trong phẫu thuật - Chất liệu PTFE, lõi bằng Nitinol, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, không bị gãy, đầu dây dẫn mềm, thẳng hoặc cong, chiều dài đầu dây dẫn 3 - 5 cm - Có cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	70
297	Dây dẫn đường trong phẫu thuật nội soi, đường kính từ 0.025 - 0.038", dài tối thiểu 150 cm	Dây dẫn đường trong phẫu thuật - Chất liệu nitinol phủ polyurethane, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.025 - 0.038", dài tối thiểu 150 cm - Có cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	70
298	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Sử dụng được ≥ 80 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11	Cái	30
299	Dây đốt lưỡng cực, chiều dài 4 - 5 m	Dây đốt lưỡng cực - Chất liệu lõi dây bằng kim loại, được bọc 2 lớp cách điện - Chiều dài dây 4 - 5 m - Đầu kết nối với kẹp lưỡng cực chuỗi tròn - Tương thích với máy đốt lưỡng cực ValleyLab tại Bệnh viện - Sử dụng được nhiều lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	92

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
300	Điện cực cắt đốt, dạng vòng cắt, gấp góc, cỡ 24 Fr, 02 chân cắm	Điện cực cắt đốt, dạng vòng cắt, gấp góc - Đường kính 0.35 - 0.4 mm - Kích cỡ 24 Fr - Loại 02 chân cắm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	15
301	Điện cực cắt đốt, lưỡng cực, dạng vòng cắt	Điện cực cắt đốt, lưỡng cực, dạng vòng cắt - Đường kính 0.3 - 0.4 mm - Kích cỡ 24 Fr - Loại 02 chân cắm - Tương thích với tay cắt nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	15
302	Điện cực cắt rạch hình vòng 24 Fr	Điện cực cắt rạch hình vòng dùng trong cắt đốt tuyến tiền liệt - Kích cỡ 24 Fr - Cấu tạo 1 vòng cắt sử dụng trong môi trường nước muối và dòng điện lưỡng cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với tay cắt lưỡng cực cùng hãng - Tương thích với máy cắt đốt cao tần UES-40, ESG-400 hiện có tại bệnh viện	Cái	72
303	Điện cực đơn cực hình vòng, dài 140 - 150 mm	Điện cực đơn cực hình vòng, mũi thẳng - Chiều dài 140 - 150 mm - Đường kính của trục gắn vào tay dao là 2 - 2.5 mm - Đường kính đầu dao 20 - 22 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích dùng cho máy cắt đốt điện Vio 300, tải điện tối đa cho phép 1500V	Cái	50
304	Rọ lấy sỏi loại nhỏ	Rọ kéo sỏi siêu nhỏ, dùng lấy sỏi đường mật - Chiều dài dụng cụ 280 - 290 cm - Độ mở rọ 15 - 20 mm - Kênh làm việc tương thích 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
305	Kềm sinh thiết loại nhỏ	Kềm sinh thiết siêu nhỏ, dùng lấy mẫu sinh thiết đường mật - Đường kính ngàm 1 - 1.2 mm - Chiều dài làm việc 280 - 290 cm - Tương thích kênh làm việc 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
306	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 2 - 10 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ có thể banh 2 - 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	350
307	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 10 - 15 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ có thể banh 10 - 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1.000
308	Dụng cụ bẫy lỗ thủng thành tiêu hóa	Dụng cụ bẫy lỗ thủng thành tiêu hóa - Chất liệu bằng thép không gỉ - Chiều dài làm việc 165 - 220 cm - Đường kính tối đa ≥ 2.6 mm - Độ mở ngàm ≥ 90 độ - Có 2 ngàm, mỗi ngàm có ít nhất 4 - 6 răng - Kênh làm việc ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
309	Dụng cụ cầm máu dạng phun	Dụng cụ cầm máu trong xuất huyết tiêu hóa - Chất liệu bột cầm máu - Dụng cụ gồm 2 catheter ≥ 7 Fr, dài ≥ 220 cm - Tay cầm gồm: Bình CO₂, bình bột cầm máu - Tương thích kênh ống soi ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	2
310	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch và máu nhanh - Chất liệu bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Thể tích 3000 - 4000 ml, có vạch đánh dấu thể tích trên thân bình, màng lọc 160 - 170 micron, 3 cổng đầu vào, 1 cổng đầu ra, 2 cổng thông xả khí - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang có tại Bệnh viện	Cái	15
311	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 8 - 9 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu bằng titanium, phủ silicon - Catheter 8 - 9 Fr, đường kính trong 1.5 - 1.6 mm - Chịu được truyền áp lực cao 22 - 23 bar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với môi trường MRI	Bộ	90
312	Điện cực dán, đo hoạt động não khi gây mê dùng cho trẻ em	Điện cực dán đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 23 - 25 cm - Trọng lượng 3.2 - 3.5 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA tại Bệnh viện	Cái	100
313	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi, chất liệu tự tan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim tự tan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ 36 - 45 cm * Đường kính dụng cụ ≤ 5 mm * Chiều dài ghim cao 4 - 5 mm, rộng 5 - 6 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim 15 - 30/cây - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	70
314	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...), ghim bằng titan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng titan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ 36 - 45 cm * Đường kính dụng cụ ≤ 5 mm * Chiều dài ghim 3 - 5 mm, rộng 4 - 5 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim 15 - 30/cây - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	90
315	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Đầu cuối có cân quang - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Tương thích dây dẫn 0.025 - 0.035" và các loại stent ≥ 10 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
316	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da - Kích cỡ 12 - 16 Fr - Có tai xé bỏ sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tương ứng với que nong cùng hãng	Cái	50
317	Lưới đèn soi đặt nội khí quản, có camera	Lưới đèn soi đặt nội khí quản có camera - Chất liệu nhựa Polymer quang học có lớp chống mù - Kích cỡ: + Lưới số 1 dài 93 - 102 mm + Lưới số 2 dài 102 - 113 mm + Lưới số 3 dài 114 - 125 mm + Lưới số 4 dài 126 - 140 mm Sai số kích thước so với thông số yêu cầu không vượt quá ($\pm 3\%$) giá trị. - Trường nhìn 45 - 47 độ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với bộ đèn soi có camera MC Grath	Cái	600
318	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin dùng trong phẫu thuật nội soi, 150 lần bắn	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin trong nội soi gấp góc đa năng, 150 lần bắn - Cán dài 15 - 26 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng đạn 360 độ - Các bộ phận khác đi kèm phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn nội soi các cỡ, cùng hãng tại danh mục mời thầu	Bộ	2
319	Miếng và tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/phải	Miếng và tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/phải - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rộng lên đến 50% thể tích toàn phần, miếng ghép có cuống - Kích cỡ 45 x 44 x 7.0 mm x 3.0 mm, trái/phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
320	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70 - 80 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.5 - 2.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu tay cầm bằng nhựa, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài đường cắt khoảng 70 - 80 mm - Có thể điều chỉnh độ dày của ghim bấm (3 mức), hàm đe có 6 hàng ghim, tối thiểu bắn được 5 lần - Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được các mức 1.5 mm - 2.0 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ, 70 - 80 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	220
321	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, 70 - 80 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 3.0 - 5.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu tay cầm bằng nhựa, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài đường cắt khoảng 70 - 80 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim đập mỗi bên, 3 chiều cao ghim đập khác nhau, tối thiểu bắn được 5 lần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ, 70 - 80 mm, chiều cao ghim từ 3 - 4 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
322	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Cán dài 16 - 18 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế bằng đạn để bắn ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	260
323	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ, tương thích 6 hàng ghim - Cán dài 32 - 36 cm, đường kính ≤ 12 mm, chiều dài hàm 45 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế bằng đạn để bắn ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, gấp góc đa năng, 45 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	20
324	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ, tương thích 6 hàng ghim - Cán dài 32 - 36 cm, đường kính ≤ 12 mm, chiều dài hàm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế bằng đạn để bắn ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	156
325	Dụng cụ khâu cắt nối vòng tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	Dụng cụ khâu nối vòng, tự động phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng - Đe có thể tháo rời - Ghim bằng titanium - Cấu tạo ≥ 32 ghim dập, ít nhất 2 hàng - Kích thước: * Chiều cao ghim 3.3 - 3.7 mm * Đường kính ngoài 32 - 34 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.950
326	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi	Dụng cụ khâu nối vòng, tự động dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi - Đe có thể tháo rời - Ghim bằng titanium - Cấu tạo ≥ 32 ghim dập, ít nhất 2 hàng - Kích thước: * Chiều cao ghim 4.5 - 5.0 mm * Đường kính ngoài 32 - 34 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	270
327	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng - Ghim bằng titanium - Đường kính ngoài 32 - 34 mm - Cấu tạo ≥ 32 ghim dập, ít nhất 2 hàng - Chiều cao ghim 3.3 - 3.7 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	300
328	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ - Ghim bằng Titanium - Đường kính ngoài 32 - 34 mm - Cấu tạo ≥ 32 ghim dập, ít nhất 2 hàng - Chiều cao ghim 3.8 - 4.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	300

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
329	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin, 23 - 31 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin - Ghim bằng titanium - Cán dài 18 - 35 cm - Đường kính 23 - 31 mm - Có 2 hàng ghim - Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.0 mm - 2.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
330	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 21 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Ghim bằng titanium - Cán dài 18 - 35 cm - Đường kính 21 - 33 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim, chiều cao ghim đóng 1 - 2.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	50
331	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 21 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Ghim bằng titanium - Cán dài 18 - 35 cm - Đường kính 21 - 33 mm - Cấu tạo 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	300
332	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 21 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Ghim bằng titanium - Cán dài 18 - 35 cm - Đường kính 21 - 33 mm - Cấu tạo 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	210
333	Dụng cụ khâu da, dùng đóng da	Dụng cụ khâu da dùng đóng da - Bằng thép không gỉ - Gồm 35 ghim đường kính (5 - 6) x (3 - 4) mm - Cấu tạo cửa sổ nhìn trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	120
334	Dụng cụ khâu cắt thẳng mở mở, 30 mm	Dụng cụ khâu cắt thẳng mở mở 30 mm - Chất liệu tay cầm bằng nhựa - Cán dài 18 - 25 cm - Chiều dài băng đạn 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt thẳng, mở mở" tại danh mục mời thầu	Bộ	30
335	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin - Chất liệu đe bằng thép không gỉ - Cán dài 32 - 36 cm, đường kính ≤ 12 mm, chiều dài hãm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng đạn 360 độ, thay thế băng đạn để bắn ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật, tự động thu dao sau khi bắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng đạn "Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	60

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
336	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm - Kim có đầu vát, đuôi kim cắt chéo, chiều dài kim vát 1.5 - 4 mm - Tổng chiều dài kim 5 - 9 mm - Chiều dài kim có thể được điều chỉnh 0 - 8 cm - Đường kính kim 19 - 25G - Tay cầm có vòng điều chỉnh chiều dài kim và có khóa cố định chiều dài kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
337	Dụng cụ thắt polyp	Dụng cụ thắt polyp dùng để cầm máu trước thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu: nylon - Lông thắt cầm máu đã lắp sẵn với tay cầm nhựa - Lông thắt có đường kính ≤ 30 mm - Chiều dài làm việc 2250 - 2350 mm - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	225
338	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm - Gồm: + vỏ ngoài: * Chất liệu bằng nylon phủ lớp ưa nước (hydrophilic) * có 2 nhánh + Nòng: * Chất liệu bằng polyethylene * bên trong có thể tháo rời - Chiều dài 36 - 46 cm - Kích cỡ 10 - 12 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	35
339	Hộp đựng kim phẫu thuật (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm	Hộp đựng kim phẫu thuật - Chất liệu nhựa - Kích thước (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm Gồm 2 khay: - Khay 1 chứa nút mềm để ghim cố định dao và kim phẫu thuật - Khay 2: chia thành 6 ô nhỏ (4 x 4 cm), đựng đúng các vỏ bao bì của dao và chỉ phẫu thuật - Có in số thứ tự kiểm soát số lượng kim chính xác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	5.950
340	Kềm sinh thiết phủ teflon	Kềm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài 160 - 230 cm - Có 2 vị trí đánh dấu ra kềm - Thân kềm có vỏ bọc Teflon - Đường kính thân kềm 1.8 - 2.3 mm - Số lượng răng: ≥ 6 răng ngàm trên, ≥ 5.5 răng ngàm dưới - Hình dạng miệng kềm Oval, có cửa số 2 bên hàm kềm - Miệng kềm có 2 kiểu: Dạng lưỡi phẳng và dạng có răng hoặc 2 dạng có răng - Đầu kềm trơn láng, không sắc nhọn - Tương thích kênh ống soi ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	17.000
341	Keo dán da 0.5 ml	Keo dán da - Thành phần 2-octyl cyanoacrylate - Thể tích tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	lọ	700

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
342	Keo dán da, dán mô nội soi 0.5 ml	Keo dán da, dán mô nội soi có thể dùng cho mô cơ thể (không chỉ dùng ngoài da) - Thành phần N - butyl - 2 - cyano acrylat - Thể tích lọ tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Lọ	850
343	Kéo mổ nội soi cong, 5 mm	Kéo mổ nội soi cong - Kích thước: * Lưỡi kéo dài 15 - 17 mm * Đường kính thân 5 mm * Chiều dài thân 31 - 33 cm - Cấu tạo: cong sang trái 15 - 20 độ - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1.150
344	Keo sinh học và mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đông máu thrombin, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần hỗn hợp keo gelatin kết dính và chất tạo đông máu thrombin - Thể tích tối thiểu 5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	300
345	Keo sinh học, 2 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Thể tích tối thiểu 2 ml - Cấu tạo xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tube	180
346	Keo sinh học, 4 ml	Keo sinh học cầm máu - Chất liệu hydrogel tổng hợp - Thể tích tối thiểu 4 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	150
347	Keo sinh học, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Thể tích ống tối thiểu 5 ml - Cấu tạo xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tube	450
348	Kẹp bấm da	Kẹp bấm da - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính ghim 0.5 - 0.6 mm - Sau khi đóng ghim sẽ có chiều dài 6 - 7 mm, chiều cao 4 - 4.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	90
349	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Độ mở ngàm 4 - 6.5 mm - Hỗ trợ tính năng xoay, cấu tạo ngàm chống trượt - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	7

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
350	Kẹp lưỡng cực không dính, dài 21 - 23 cm, đường kính đầu tip 0.6 - 0.8 mm	- Kẹp lưỡng cực không dính - Chiều dài 21 - 23 cm - Đầu tip đốt không dính, đường kính đầu tip 0.6 - 0.8 mm - Cán cong - Khớp chặn giúp duy trì và định hướng độ khép chính xác giữa hai đầu tip - Chuôi tròn tương thích với dây đốt lưỡng cực của máy đốt Valleylab tại Bệnh viện - Sử dụng được nhiều lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	62
351	Miếng và tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt	- Miếng và tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 13 x 38 mm, dày 3.0 mm/6.0 mm; 30 x 50 mm, dày 0.45 mm; 38 x 50 mm, dày 0.85 mm/1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
352	Khăn trải bàn mayo hai lớp	- Khăn trải bàn mayo hai lớp - Chất liệu nhựa, được gia cố bán thấm ≥ 60 gsm chỉ thấm mặt trên - Kích thước (80 - 90) x (145 - 150) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	3.000
353	Kim chích cầm máu dạ dày	- Kim chích keo cầm máu dạ dày - Chất liệu thép không gỉ - Vỏ ống kim trong suốt - Có khóa kim - Chiều dài kim ≥ 6 mm - Đường kính kim 0.7 - 1 mm - Đường kính vỏ ngoài 1.8 - 2.3 mm - Đường kính kênh ≤ 2.8 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20
354	Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng	- Kim chích cầm máu dạ dày - Chất liệu thép không gỉ - Vỏ ống kim trong suốt - Có khóa kim - Chiều dài kim ≤ 4 mm - Đường kính kim 0.5 - 1 mm - Đường kính vỏ ngoài 1.8 - 2.3 mm - Đường kính kênh ≤ 2.8 mm - Chiều dài làm việc ≥ 2300 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	460
355	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lạnh tính	- Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lạnh tính - Kích thước: * Đường kính kim đốt 18G * Chiều dài kim đốt 70 - 300 mm * Chiều dài đoạn sinh nhiệt 5 - 10 mm - Bộ phận đi kèm: dây dẫn tín hiệu, cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy CoAtherm AK-F200	Cái	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
356	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 20 - 22G	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ 20G, 22G, dài 15 - 20 mm, chiều dài dây nối 25 - 30 cm - Cấu tạo kim gấp góc có để cố định nối với dây nối, có khóa kẹp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	850
357	Dụng cụ gấp chỉ, đóng lỗ trocar	Dụng cụ gấp chỉ, đóng lỗ trocar - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa, thân kim bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	100
358	Kim gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa	Kim gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài làm việc ≥ 1650 mm - Độ mở rộng ngàm 11 - 15 mm - Kim tích hợp tay cầm, vỏ cách điện, ngàm răng chuột kết hợp răng cá sấu - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	3
359	Kim gây tê đám rối thần kinh 20G, 100 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 20G dài 80 - 100 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm, mặt vát 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện	Cái	320
360	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G, 100 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 80 - 100 mm - Thân kim có chia vạch, mặt vát 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC	Cái	310
361	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G, 50 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 22G, dài 50 - 80 mm - Thân kim có chia vạch, mặt vát 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC	Cái	180
362	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm, cỡ 21G, dài 100 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 80 - 100 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm, mặt vát 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	420
363	Kim gây tê tủy sống cỡ 18G - 27G	Kim gây tê tủy sống - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim trong suốt, có phản quang - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	13.000
364	Kim gây tê tủy sống, có cánh, cỡ 18G - 27G	Kim gây tê tủy sống, có cánh - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh - Phấn cánh giúp cố định kim khi bơm thuốc - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1.900

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
365	Kim gây tê tùy sống, đầu kim bút chì 27G	- Kim gây tê tùy sống - Kim gây tê tùy sống bằng thép không gỉ, cỡ 27G, dài 85 - 90 mm - Kim dẫn đường bằng thép không gỉ, cỡ 22G, dài 30 - 35 mm - Đầu kim dạng bút chì giúp giảm tổn thương mô - Chuôi kim trong suốt, có phản quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	500
366	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ	- Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mỡ, cỡ 80 mm - Có thể sử dụng ít nhất 5 băng đạn - Tích hợp với các băng đạn cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với băng "băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ" trong danh mục mời thầu	Cái	15
367	Thông lọng cắt polyp loại nhỏ	- Thông lọng cắt polyp loại nhỏ, dùng cắt polyp, lấy stent đường mật - Chiều dài dụng cụ 284 - 288 cm - Độ mở thông lọng 8 - 10 mm - Kênh làm việc tương thích 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
368	Thông lọng cắt polyp, hình oval, xoay được	- Thông lọng cắt polyp hình oval xoay được - Chiều dài làm việc 180 - 230 cm - Đường kính thông lọng có độ mở tối đa ≤ 35 mm - Đường kính vỏ ngoài của thông lọng ≤ 2.35 mm - Loại dây đơn sợi, dây bền - Tích hợp tay cầm xoay được - Đường kính kênh làm việc ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	150
369	Lưới cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản	- Lưới cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu cắt tù, không răng rưa, cong ≤ 15 độ - Đường kính 2.5 - 4.0 mm, chiều dài lưới cắt 18 - 28 cm - Tốc độ hoạt động 60 - 500 vòng/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy khoan model IPC	Cái	5
370	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài ≥ 40 cm	- Mạch máu nhân tạo loại chữ Y điều trị bắc cầu động mạch chủ, ngoại biên - Chất liệu bằng polyester - Đường kính 12 x 6 mm, 14 x 7 mm, 16 x 8 mm, 18 x 9 mm, 20 x 10 mm, 22 x 11 mm, 24 x 12 mm, chiều dài ≥ 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	30
371	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 60 cm	- Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6 - 8 mm, dài ≥ 60 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	5
372	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 90 cm	- Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6 - 8 mm, dài ≥ 90 cm - Cấu tạo có vòng xoắn chống gập, dè nén - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	5

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
373	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang > 7 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước ngang > 7 cm, dọc 10 - 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	200
374	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang 5 - 7 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước ngang 5 - 7 cm, dọc 10 - 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	150
375	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polyester, trái, phải, có gai	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, trái, phải - Chất liệu polyester - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực > 16 N/cm - Độ nặng 70 - 140 g/m ² - Có gai làm bằng chất liệu có thể tan - Có khả năng tự cố định - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	50
376	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene, 10 x 15 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị, có tính co giãn đa chiều - Chất liệu polypropylene - Kích thước 10 x 15 cm - Kích thước lỗ 1 - 3 mm - Trọng lượng 30 - 70 g/m ² - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	20
377	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	160
378	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Định hình lưới 3D - Đường kẻ định hình không gian: có - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	110
379	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 15 x 20 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 15 x 20 cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
380	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 25 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 25 cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15
381	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 30 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 30 cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15
382	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 15 x 15 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene - Kích thước 15 x 15 cm - Trọng lượng 30 - 50 g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	10
383	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 30 x 30 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước 30 x 30 cm - Trọng lượng 70 - 140 g/m ² - Kích thước lỗ dưới 1 mm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	8
384	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 15 x 20 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu: polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 15 x 20 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	20
385	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 25 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 25 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15
386	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 30 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 30 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
387	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, hình tròn đường kính 10 - 12 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Hình tròn, đường kính 10 - 12 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	10
388	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 15 x 25 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 15 x 25 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	15
389	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20 x 30 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 20 x 30 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	5
390	Mặt nạ gây mê có van bơm, có mùi thơm	Mặt nạ gây mê có van bơm, có mùi thơm - Chất liệu PVC y tế, mềm, có van bơm 1 chiều, co nối đường kính 22 mm F (22F). - Có các size số 1, 2, 3, 4, 5, chỉ thị màu theo số - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	23.000
391	Miếng vá tạo hình gò má các cỡ	Miếng vá tạo hình gò má, các cỡ - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng đến 50% thể tích toàn phần - Có mẫu định vị giúp ghép cân đối và chính xác - Kích cỡ 52 x 26 x 3.0 mm; 52 x 27 x 4.0 mm; 52 x 28 x 5.0 mm, trái/ phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
392	Mặt nạ thanh quản nguyên khối	Mặt nạ thanh quản 2 nòng nguyên khối - Chất liệu: nhựa dẻo, không chứa latex - Kích cỡ số 3, 4, 5, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày thực quản - Mặt nạ dạng bán nguyên khối chống cắn ống - Trên thân ống thể hiện số kg và thể hiện vạch tối đa khi đặt - Co nối 15 mmF - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	30
393	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	Mặt nạ thanh quản 2 nòng, sử dụng nhiều lần, có tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày - Chất liệu bóng chèn bằng silicon, không latex - Kích cỡ 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5 - Thể tích bóng chèn 7 - 40 ml, tùy cỡ - Kích thước sonde dạ dày tương ứng từ 8 - 16 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong giúp định hình ống và không bị gấp gây tắc nghẽn * Có 2 điểm chèn: - Điểm chèn 1 ở vị trí hầu họng đưa áp lực thông khí lên đến 37 cmH2O - Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Có nắp bảo vệ bóng chèn khi khử trùng - Tái sử dụng tối thiểu 30 lần - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	118

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
394	Miếng chống dính tự tiêu, 100 x 130 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 100 x 130 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	5
395	Miếng chống dính tự tiêu, 200 x 130 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 200 x 130 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	5
396	Miếng chống dính tự tiêu, 50 x 70 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 50 x 70 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	2
397	Miếng lót phẫu thuật	Miếng lót phẫu thuật - Chất liệu bằng vải không dệt bán thấm 45 - 50 gsm - Kích cỡ (80 - 90) x (120 - 130) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	7.500
398	Miếng và mạch máu tái tạo thành mạch máu bằng Polyesterurethane	Miếng và mạch máu tái tạo thành mạch máu - Chất liệu Polyesterurethane - Kích thước 3 x 4 cm, 2 x 9 cm, 1 x 7 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	10
399	Miếng và tạo hình	Miếng và tạo hình - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 38 x 50 mm, dày 1.0 mm/1.7 mm ; 38 x 63 mm, dày 3.0 mm/6.0 mm; 50 x 50 mm, dày 2.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
400	Miếng và tạo hình ống tai ngoài trái/ phải	Miếng và tạo hình ống tai ngoài trái/ phải - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 35 x 53 mm trái/phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
401	Miếng và tạo hình vành tai trái / phải	Miếng và tạo hình vành tai trái / phải - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 61 mm trái/phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
402	Chất làm đầy mô vùng mặt	Chất làm đầy mô vùng mặt - Thành phần Hyaluronic Acid liên kết chéo 25 mg/ml, Lidocaine hydrochloride 0,3%, Dung dịch đệm Phosphate pH 7.3 - Kim 25G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích 1 - 1.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ông	12
403	Dao cắt hót dưới niêm mạc trong nội soi thực quản hoặc đại tràng	Dao cắt hót dưới niêm mạc có đầu cách điện dùng trong nội soi thực quản hoặc đại tràng - Chất liệu đầu cách điện bằng sứ - Chiều dài làm việc ≥ 1650 mm - Chiều dài dao 3.3 - 3.5 mm - Đường kính đầu cách điện ≤ 1.7 mm - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
404	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 76 mm dày 0.85 mm/1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
405	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối kép hình chữ Y dùng cho người bệnh dài 135 - 140 cm, có 2 khóa dạng trục lăn - Đầu dây có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2	Cái	15
406	Dụng cụ chống mờ hơi nước	Dụng cụ chống mờ hơi nước - Thành phần gồm: Sodium lauryl ether sulfate 5 - 10%, Polyethylene Glycol -7-glyceryl cocoate 1 - 3% - Dung tích 5 - 6 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	200
407	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật từ ống gan trái qua dạ dày, dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật ra dạ dày, tá tràng dưới nội soi siêu âm, phủ bán phần - Một đầu lọc có phủ vỏ bao ngăn cản sự di chuyển vào ống gan, đường kính 12 - 16 mm, có dây kéo - Đường kính thân stent ≤ 10 mm, có phủ vỏ bao - Đoạn cuối của stent không phủ vỏ bao để tránh làm tắc nghẽn các đường mật trong gan - Chiều dài stent 60 - 100 mm - Đường kính bộ đặt 7 - 9 Fr - Chiều dài bộ đặt 1750 - 1850 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	5
408	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính 0.5 - 6 mm, chiều dài 50 - 80 mm - Đầu mũi khoan hình tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích tay khoan indigo và máy khoan model IPC sử dụng tại viện	Cái	4

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
409	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai đường kính 1 - 5 mm	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính từ 1 - 5 mm - Chiều dài 50 - 80 mm - Đầu mũi khoan hình tròn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC	Cái	15
410	Mũi khoan mài sẵn sọ trước	Mũi khoan mài sẵn sọ trước dùng trong phẫu thuật sọ sọ và phẫu thuật nội soi xoang mở rộng - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính 2.5 - 5 mm, dài 12 - 15 cm, cong 15 - 70 độ - Đầu mũi khoan hình tròn, hình vuốt nhọn, hình viên đạn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy khoan model IPC	Cái	3
411	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sọ sọ	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sọ sọ - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh - Đường kính 2.5 - 5 mm, cong 15 - 70 độ - Mũi khoan dài 12 - 15 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy khoan model IPC	Cái	3
412	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính 0.5 - 7 mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, đường kính 0.5 - 7 mm - Mũi khoan có chiều dài khoảng 50 - 80 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích tay khoan indigo và máy khoan model IPC	Cái	4
413	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính 1 - 6 mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, đường kính 1 - 6 mm - Mũi khoan có chiều dài khoảng 50 - 80 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC	Cái	78
414	Ngáng miệng	Ngáng miệng dùng trong nội soi tiêu hóa: - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước bên ngoài (Cao x Rộng): 48 x 96 mm ± 1 mm - Kích thước bên trong (Cao x Rộng): 19 x 22 mm ± 1 mm - Chất liệu dây giữ: Dây thun hoặc cao su - Chiều dài dây giữ ≥ 50 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	60.700
415	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi - Chất liệu: ống bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), không Latex, không DEHP ;bóng chèn làm bằng polyurethane - Đường kính 7 Fr - Chiều dài 70 - 80 cm - Bao gồm: * Một ống dẫn khí dài 70 - 80 cm, ống 1 nông, có đầu xa hình chữ Y, trên hình Y có 2 bóng chèn phẩy quạt trái và phải được mã hóa màu khác nhau. * Một co nối chữ Y dùng kết nối với ống nội khí quản chức năng là thông khí, có cổng vào cho ống nội soi hoặc ống hút đàm * Hai nắp đậy - Trên thân ống có vạch đánh dấu độ dài, có cân quang - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	10

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
416	Ống dẫn lưu đường mật bằng cao su, cỡ 14 - 20 Fr	Ống dẫn lưu đường mật - Chất liệu cao su tự nhiên, mềm, có tính kích thích mô để tạo đường hầm - Đường kính 14 - 20 Fr - Cấu tạo đầu ống bo tròn để luồn, chữ T - Cạnh ngang 20 - 22 cm, cạnh dọc 38 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	500
417	Dụng cụ cắt lạng thất polyp	Dụng cụ cắt lạng thất polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thất polyp - Chiều dài làm việc ≥ 1650 mm - Dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
418	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài 30 - 32 cm	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane, được phủ 1 lớp áo nước, cản quang - Đường kính 8 - 16 Fr - Chiều dài 30 - 32 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ > 2 mm - Chiều dài đầu cong 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu có thể uốn cong, có đánh dấu chiều dài trên thân ống, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.80 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: kim chọc, trocar, bộ nối thẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.400
419	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài 35 - 40 cm	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng polyurethane, cản quang - Đường kính 8 - 12 Fr - Chiều dài 35 - 40 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 8, kích thước lỗ > 2 mm - Chiều dài đầu cong 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu có thể uốn cong, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.8 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: kim chọc, trocar, dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	60
420	Ống dẫn lưu ổ bụng, 24 - 26 Fr	Ống dẫn lưu ổ bụng - Chất liệu bằng silicon mềm - Kích thước 24 - 26 Fr, dài 500 - 550 mm - Có thể uốn cong, có sọc cản quang, có 6 lỗ bên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1.200
421	Ống dẫn lưu ổ bụng số 28	Ống dẫn lưu ổ bụng - Chất liệu bằng cao su tự nhiên - Kích cỡ số 28 - Có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống để tránh nghẹt và tăng khả năng dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	900
422	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	Ống dẫn lưu vết mổ - Chất liệu silicon - Loại tròn/đẹt, các cỡ, độ dài 60 - 125 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với "Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml" tại danh mục mời thầu	Cái	1.200

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
423	Mặt nạ thanh quản 2 nòng	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần - Chất liệu: nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, không Latex - Kích cỡ số 1- 5 - Thể tích bóng chèn 5 - 45 ml, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày thực quản - Có 2 điểm chèn: + Điểm chèn 1: ở vị trí hầu họng đưa áp lực thông khí lên đến 37 cmH2O + Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Co nối 15 mmF - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	50
424	Ống nội soi mềm, đường kính 2 - 2.5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc cáp nhựa - Đường kính ống soi 2 - 2.5 mm (7 - 8 Fr) - Độ rộng kênh làm việc 1 - 1.2 mm (3 - 4 Fr) - Độ phân giải 400 x 400 Pixels - Góc uốn: -285° ~ +285° - Chiều dài làm việc: 630 - 650 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	80
425	Ống nối máy thở	Ống nối máy thở co giãn - Chất liệu: Polypropylene - Chiều dài điều chỉnh từ 70 - 150 mm, khoảng chết từ 20 - 40 ml, co giãn được. - Co nối dạng khuỷu tay (co L), xoay 360 độ, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ,...) có đường kính 22 mm M/ 15 mm F (22M/15F). - Có cổng hút đàm đường kính 7 - 8 mm, có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	12.000
426	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu PVC - Đầu ống 2.8 - 3 mm, dài 5 - 5.5 cm - Thân có chấn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	50
427	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái/phải)	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái, phải - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), mềm, không latex - Kích cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái,phải) - Đặc điểm: + Ống thông phế quản 2 nhánh có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cân quang, có đánh số chiều dài + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp < 27 cmH2O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương. Bóng phế quản hình quả đậu có cân quang. Có mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: cây dẫn đường, co chữ Y, dây hút đàm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	300
428	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo	Ống thông dẫn lưu đường mật, loại hình đuôi heo - Chất liệu: Polyethylen (PE) - Có cân quang và ống định vị - Chiều dài 3 - 15 cm - Đường kính ≥ 10 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	40
429	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng - Chất liệu nhựa Ethylene Vinyl Acetate - Đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ vị stent không bị trôi và chống tắt stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X - Đường kính stent ≥ 10 Fr, phù hợp kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Chiều dài giữa 2 vạt 50 - 180 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
430	Ống thông đặt nông niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6 - 8 Fr, dài 80 - 90 cm	Ống thông đặt nông niệu quản, tán sỏi qua da - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6 - 8 Fr - Chiều dài 80 - 90 cm - Cấu tạo trơn láng, 5 mắt, đầu mở, thẳng, có vạch chia chiều dài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100
431	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển dây 400µm và 600µm	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển - Kích thước: * Chiều dài catheter 2.5 - 3 m * Đầu tip 1 - 2 mm - Đầu tip phát quang phóng tia tỏa tròn 360° 1 vòng và 2 vòng góc lệch 60 độ so với trục sợi quang - Bước sóng 1400 - 1500 nm - Độ dày 400 µm, 600 µm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy NeoV 1470	Cái	650
432	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn - Chiều dài dây 60 - 100 cm - Chiều dài đầu phát nhiệt 7 cm, phù hợp với dây dẫn 0.025" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	180
433	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6 - 8 Fr, dài 25 - 30 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nông niệu quản - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6 - 8 Fr - Chiều dài 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	3.360
434	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6 - 7 Fr, dài 25 - 30 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nông niệu quản - Chất liệu bằng silicone trơn láng, mềm - Kích cỡ 6 - 7 Fr, dài 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	1.100
435	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6Fr, dài 15 - 20 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nông niệu quản, ghép thận - Chất liệu bằng silicone - Kích cỡ 6 Fr - Chiều dài 15 - 20 cm - cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	54
436	Ống thông khí cho hòm nhĩ	Ống thông khí cho hòm nhĩ - Chất liệu bằng Fluoroplastic - Có hình trụ - Đường kính trong ống 1 - 1.5 mm - Đường kính trong mặt bích 2 - 3 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	126

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
437	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo - Chất liệu Polyurethane, có phủ lớp ái nước - Có vạch cân quang, có ≥ 4 lỗ thoát, kích thước lỗ $> 2\text{mm}$, có khoá hình đuôi heo - Kích cỡ 6 - 16 Fr - Chiều dài 15 - 30 cm - Bộ phận đi kèm: 1 cannula kim loại, 1 cannula nhựa cứng, 1 kim trocar, 1 ống dẫn thẳng, 1 ống thông có khoá hình dạng đuôi heo vòng thông dụng hoặc vòng nhỏ. - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: kim chọc, trocar, bộ dẫn thẳng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	20
438	Que tán sỏi điện thủy lực	Que tán sỏi điện thủy lực - Chất liệu nhựa và kim loại - Kích thước: * Đường kính 4 - 5 Fr * Chiều dài dây 500 - 600 mm * Chiều dài đầu que tán 4 - 5 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy tán sỏi điện thủy lực	Cái	80
439	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ - Rọ có 4 dây tích hợp tay cầm, cấu tạo đầu rọ có núm hình hạt đậu - Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{ mm}$, phù hợp với kênh dụng cụ $\geq 3.7\text{ mm}$ - Đường kính rọ $\geq 22\text{ mm}$ - Có kênh riêng cho dây dẫn hướng 0.025 - 0.035" - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa hoặc thuốc cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	3
440	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ - Rọ có 4 dây tích hợp tay cầm, cấu tạo đầu rọ có núm hình hạt đậu trơn láng, xoay được - Không cần dùng dây dẫn hướng, có phần kết nối cố định với ống soi - Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{ mm}$, phù hợp với kênh dụng cụ $\geq 2.8\text{ mm}$ - Đường kính rọ $\geq 22\text{ mm}$ - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa hoặc bơm thuốc cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	3
441	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục - Tương thích với tay cầm cùng hãng - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100
442	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 3 Fr	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản - Chất liệu Nitinol - Độ mở rọ 30 - 35 mm - Đường kính 12 - 15 mm - 4 dây, hình xoắn ốc - Kích cỡ dây 2.5 Fr - Chiều dài dây 100 - 120 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	400
443	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản, kích thước 272 μm	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản - Chất liệu: Lõi sợi bằng thạch anh - Kích thước 272 μm - Chiều dài 2.8 - 3 m - Mức năng lượng phù hợp tối đa 70 W - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy tán sỏi 65 W laser Raykeen	Sợi	12

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
444	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản 550 µm	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản - Chất liệu: Lõi sợi bằng thạch anh - Kích thước 550 µm - Chiều dài 2.8 - 3 m - Mức năng lượng phù hợp tối đa 125 W - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích máy tán sỏi 65 W laser Raykeen	Sợi	13
445	Miếng và tạo hình mũi trái/phải	Miếng và tạo hình mũi trái/phải - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rộng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 29 x 19 x 6.0 mm; 35 x 26 x 9.0 mm trái/ phải - Kích cỡ sai số cho phép ± 10% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
446	Stent kim loại đường mật	Stent kim loại đường mật dùng trong trường hợp u, hẹp đường mật lành tính, ác tính - Chất liệu Platinol - Đường kính stent 9 - 11 mm - Chiều dài stent 40 - 80 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 8 Fr, tương thích dây dẫn ≤ 0.035" - Stent không có vỏ bao hoặc có vỏ bao, có vỏ bao bán phần với 2 đầu không có vỏ bao, đầu stent hơi lồi hình nón, có thể thu hồi stent sau 12 tháng, cân quang 100% - Bộ đặt stent có 3 điểm vàng: 1 điểm báo hiệu giới hạn cuối của stent và bộ đặt, 2 điểm trên phần trên của tay đặt báo hiệu giới hạn cuối có thể thu hồi stent đã bung đến 80% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	5
447	Stent kim loại đường mật có màng bọc permalume phủ 1 phần stent	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, có màng bọc permalume phủ 1 phần bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại 6 - 10 cm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ 60 - 80 cm, đường kính catheter 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng lồi chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent 60 - 80% - Có 3 - 4 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với dây dẫn 0.025" - 0.035"	Cái	60
448	Stent kim loại đường mật có màng bọc bằng silicone, có nhiều lỗ trên màng bọc	Stent kim loại đường mật - Chất liệu bằng Nitinol, có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại 40 - 120 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ 50 - 180 cm, đường kính catheter 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng lồi chống di lệch stent, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí khi bung stent 60 - 80% - Có 3 - 4 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích dây dẫn 0.025" - 0.035"	Cái	20
449	Kim dùng tiêm chất làm đầy, cỡ 23 - 25G, dài 50 mm	Kim dùng tiêm chất làm đầy - 1 Kim đầu tù bằng thép, phủ silicon, có nắp đậy - Cỡ kim 23 - 25G, dài 50 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	500

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
450	Tấm điện cực trung tính kèm dây	Tấm điện cực trung tính kèm dây - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keorylic - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với các hệ thống dao mổ điện - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	9.200
451	Tấm nâng điều trị sa bàng quang bằng Polyvinylidene Fluoride, cỡ (6 - 7) x (8- 9) cm	Tấm nâng điều trị sa bàng quang - Chất liệu Polyvinylidene Fluoride (PVDF) - Kích thước thân giữa (6 - 7) x (8 - 9) cm, có 4 nhánh - Tỷ lệ lỗ lưới hiệu quả 65 - 75% - Lực kéo sợi lưới > 55 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	20
452	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước thân giữa (6 - 7) x (7 - 9) cm, có 6 nhánh - Trọng lượng 19 - 20 g/m² - Cấu tạo độ xấp trung bình 58 - 60% - Kích thước lỗ lưới (1.1 - 1.2) x (0.6 - 0.9) mm - Lực kéo sợi lưới > 72 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	24
453	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xấp khoảng 84 - 86%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene hay PVDF - Kích thước 1 cm x (35 - 50) cm - Cấu tạo độ xấp khoảng 84 - 86% - Độ dày sợi 0.14 - 0.16 mm - Kích thước lỗ (1.30 - 1.32) x (0.43 - 0.46) mm - Kháng lực > 55 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	30
454	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xấp khoảng 90 - 93%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene hay PVDF - Trọng lượng 20 - 22 mg/m² - Cấu tạo độ xấp trung bình 90 - 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác, kích thước khe hở các sợi đan 100 - 150 μm - Lực kéo sợi lưới > 16 N/cm - Độ bền tối ưu 113 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	20
455	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chấu	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chấu - Đầu đốt bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa - Đường kính 2.3 - 2.4 mm, đầu dao hình kiếm, dây nối dài 3 - 3.5 m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy ValleyLab, Erbe hiện có tại bệnh viện	Cái	30.000
456	Thanh nâng ngực	Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cấu tạo 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khắc ở 2 đầu, các khắc ở 2 đầu được bo tròn, không răng cưa - Kích thước: * Chiều ngang 10 mm dài 20 - 26 cm * Chiều ngang 13 mm dài 28 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	40

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
457	Bộ thanh nâng ngực, kèm ốc vít	Bộ thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực, lồi ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lồi vừa lõm - Chất liệu: titanium - Bộ thanh gồm 2 thanh ghép thành 1 cặp nếp cố định vào thành ngực bằng ốc vít theo phương pháp sandwich - Thanh đỡ có bề dày 2.5 mm - 3.5 mm ở mỗi bên có 3 lỗ - Thanh nếp có bề dày 1.5 mm - 2.5 mm ở mỗi bên có rãnh và lỗ - Thanh đỡ và thanh nếp mỗi thanh đều kèm 2 ốc vít - Kích thước mỗi thanh 20 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Bộ	150
458	Thiết bị xilanh, áp kế	Thiết bị xilanh, áp kế - Bao gồm xilanh và đồng hồ đo áp lực đồng bộ, có dây nối với bóng nong - Tương thích với tay cầm tích hợp bơm bóng và tán sỏi cùng hãng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	12
459	Thông lọng cắt polyp ống tiêu hóa	Thông lọng cắt polyp ống tiêu hóa - Dây bền cứng - Lõi được cấu tạo bằng ≥ 7 sợi dây bền - Đường kính ngoài của dây 0.01 - 0.02 inch - Đường kính ≥ 2.4 mm - Chiều dài ≥ 240 mm - Thông lọng cỡ 10 - 25 mm - Kênh dụng cụ ống soi tương thích ≥ 2.8 mm - Có thể kết nối hợp cắt nóng và cắt lạnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	180
460	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - 3 tiêu cự - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	30
461	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu, điều chỉnh lão thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự : - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20
462	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ vuông - Công suất điều chỉnh loạn từ 1.5 D đến 6.0 D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20
463	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, dạng phiến	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Dạng phiến - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	350
464	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, nhuộm vàng	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Nhuộm vàng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
465	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	550
466	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ * Cấu tạo van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	1.000
467	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ * Cấu tạo van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Lượng khí xì rò khi có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	800
468	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Lượng khí xì rò khi có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200 ml/phút * Cấu tạo van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	1.000
469	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu trong phẫu thuật mũi xoang	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang - Chất liệu bằng Hydroxylated Poly-Vinyl Acetate - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 2 cm * Chiều cao (dày): ≥ 1.5 cm - Được nén kép, không bị vụn - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	3.000
470	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 10 cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu - Chất liệu bằng sợi rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất 20 - 22µm - Trọng lượng ≥ 6 mg/cm ² - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	3.000

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
471	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 2.5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 10 mg/cm² - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 2.5 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	300
472	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 10 mg/cm² - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	630
473	Vật liệu cầm máu, dạng bông gòn, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng dạng bông xốp Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 26 mg/cm² - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	2.300
474	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, băng gelatin	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp, độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm, tự tiêu sau 4 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm * Chiều cao (dày): ≥ 1 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	7.500
475	Vật liệu cầm máu xương, 70 - 75% sáp ong	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần 70 - 75% sáp ong và 25 - 30% chất làm mềm (vaseline, paraffin,...) - Trọng lượng ≥ 2.5 gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	1.800
476	Vật liệu cầm máu xương, $\geq 85\%$ sáp ong	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần sáp ong $\geq 85\%$ và Isopropyl Palmitate $\geq 10\%$ - Trọng lượng ≥ 2.5 gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	1.900

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
477	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khép miệng vết thương và gia cố lực kéo căng khép miệng vết thương - Bằng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ (12 - 15) x 100 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	1.600
478	Kim tiêm bằng quang, cỡ 4.8 Fr, chiều dài khoảng 70 cm	Kim tiêm bằng quang - Đường kính khoảng 4.8 Fr - Chiều dài khoảng 70 cm - Đầu kim có thể điều chỉnh được, thích hợp với độ dày thành bàng quang - Tiêu chuẩn ISO	Cái	3
479	Vôi soda	Vôi soda dùng hấp thụ khí CO2 trong gây mê - Thành phần ≤ 3% sodium hydroxide, ≤ 97% calcium hydroxide - Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, cỡ hạt 2.5 - 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ, độ cứng > 75 - Thùng tối thiểu 5 lít - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Lít	6.500
480	Xương con thay thế xương bàn đạp	Xương con thay thế xương bàn đạp - Chất liệu nhựa fluoroplastic - Cấu tạo phần đầu có dạng hình vòng chữ C, phần thân thẳng hình trụ - Chiều dài phần thân 4.5 - 6 mm - Đường kính trong của vòng chữ C 0.6 - 0.8 mm - Đường kính của phần thân hình trụ 0.6 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	30
481	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G	Kim sinh thiết - Kích cỡ 18 - 20G, dài 15 - 20 cm, độ dài mẫu 18 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để đánh xác định số kim, đầu kim cán tia X-ray - Tương thích với súng sinh thiết cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	15
482	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm, 2 kim thẳng, dài 15 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, khâu treo thủy tinh thể vào củng mạc - Chỉ bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm - 2 kim thẳng, bằng thép Alloy, dài 15 mm, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	12
483	Stent kim loại đường mật không có màng bọc permalume phủ bên ngoài stent	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, không có màng bọc permalume phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại 6 - 10 cm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ 60 - 80 cm, đường kính catheter 8 - 10 Fr - cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng xoắn chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent 60 - 80% - Có 3 - 4 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với dây dẫn 0.025" - 0.035"	Cái	60
484	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép khâu xương bánh chè - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 7, dài ≥ 60 cm - 1 kim tam giác, dài 120 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	tép	550

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
485	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15 - 16 cm, đầu gấp góc, kèm một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có diện cực 3 chấu được tách biệt bằng Vonfram - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	110
486	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15 - 16 cm, đầu gấp góc, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có diện cực dạng mạng lưới thẳng được tách biệt bằng Ceramic - Hệ thống phân phối đường nước muối riêng, có 3 lỗ bơm và thoát nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	10
487	Đầu dò cắt cuống mũi	Đầu dò cắt cuống mũi - Chất liệu bằng nhựa tổng hợp, với phần hoạt động là thép không gỉ - Dụng cụ thẳng, phần hoạt động là trục đường kính 2.9 - 3 mm; có 3 điểm đánh dấu độ sâu của đầu dò; có đường dọc cho phép định hướng đầu dò; kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút; diện cực hoạt động dạng lưới - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	10
488	Đầu dò đốt cuống mũi	Đầu dò đốt cuống mũi - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động bằng thép không gỉ; đường kính 2.9 - 3 mm, dài là 42 - 43 mm - Đầu đốt mỏng, nhọn, dài 10-11mm, đường kính là 1.3 - 1.4 mm, có 2 vạch chia màu để đo độ sâu; không có kênh dẫn nước, không có kênh hút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	5
489	Đầu dò đốt màn hầu	Đầu dò đốt màn hầu - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động làm bằng thép không gỉ, gấp góc 55 độ, đầu ngoài cùng nhỏ, gọn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	2
490	Đầu dò phẫu thuật xoang cắt, đốt	Đầu dò phẫu thuật xoang: - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ, có thể uốn cong dài khoảng 15 - 16 cm, đầu gấp góc, có một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có diện cực 3 chấu được cách nhiệt bằng Ceramic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy Coblator II	Bộ	3
491	Đầu phẫu thuật thanh quản	Đầu phẫu thuật thanh quản : - Chất liệu tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần làm việc có trục làm việc bằng thép không gỉ, chiều dài 16 - 17 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy coblator	bộ	3

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
492	Miếng lau đầu đốt	Miếng lau đầu đốt giúp làm sạch và loại bỏ mô trên đầu dao điện trong quá trình phẫu thuật - Bề mặt nhám - Mặt sau đính - Có thể phát hiện bởi X-quang - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 50 cm * Chiều rộng: ≥ 50 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Cái	6.600
493	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9 Fr, dài 10 ± 01 cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane cân quang, dây dẫn bằng thép không gỉ phủ Polytetrafluoretylen (PTFE) - Cỡ 9 Fr, dài khoảng 10 ± 01 cm - Dây dẫn lò xo 0.035", dài khoảng 45 cm, có đầu thẳng, đầu cong chữ J - Đi kèm: 1 kim dẫn 18G, dài khoảng 6.3 - 6.5 cm, 1 đầu đo áp lực, 1 bơm tiêm 5 ml, 1 cây nong, 1 catheter bảo vệ chống nhiễm khuẩn dài khoảng 80 ± 02 cm, băng dán tiệt khuẩn, 1 nòng trong 8 Fr, 1 nắp đậy không lỗ; 1 nắp có lỗ, 1 nắp đựng kim, 1 khóa 4 ngã tốc độ cao, 3 miếng gạc 4 x 4". Có đường dẫn để đặt catheter đo cung lượng tim liên tục CCO (Swan ganz) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	40
494	Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em	Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em - Chất liệu: Hydrogel PolyHesive, Acrylic adhesive loại điện cực theo dõi và cảnh báo độ tiếp xúc - Kích thước: vùng hoạt động khoảng 75 cm ² , tích hợp dây dẫn dài khoảng 2.5 → 3.0 m - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	250
495	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viền bán cực được bao quanh bằng lớp keorylic, có độ dày ≥ 0.120 cm - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	7.200
496	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, dài ≥ 40 cm, 2 kim, 1/2 C, dài 48 mm	Chỉ khâu hờ eo cổ từ cung - Chỉ bằng Polyester, dài ≥ 40 cm, phủ Polybutylate, được dệt thành băng dệt, dày khoảng 5 mm. - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép Alloy, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	tép	120
497	Cảm biến theo dõi độ mê, dùng cho người lớn/trẻ em	Cảm biến theo dõi độ mê, dùng cho người lớn/trẻ em - Tấm đệm cảm biến được làm từ bọt xốp - Số kênh hoạt động: ≥ 4 - Điện cực hoạt động: ≥ 4 - Thời gian sử dụng: ≥ 24 giờ - Đóng gói từng cái - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với máy Masimo tại Bệnh viện	Cái	440
498	Ống thông pezzet, cỡ 12 → 36 Fr	Ống thông pezzet - Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex - Kích cỡ khoảng 12 → 36 Fr, chiều dài ≥ 40 cm - Đặc tính: đầu ống hình quả bí, có 3 lỗ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	130

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
499	Chỉ khâu liền kim thẩm mỹ, dài ≥ 90 mm	Chỉ khâu liền kim thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 90 mm, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép y tế không gỉ, đốc kim bằng nhựa - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	3.000
500	Chỉ khâu liền kim thẩm mỹ, dài ≥ 50 mm	Chỉ khâu liền kim thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 50 mm, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép y tế không gỉ, đốc kim bằng nhựa - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 38 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cây	1.000
501	Kim lặn tay dùng trong chăm sóc da	Kim lặn tay dùng trong chăm sóc da + Chất liệu kim: bằng thép không gỉ + Thân kim làm bằng nhựa trong suốt + Giá đỡ bằng silicon - Kim đĩa, đầu kim hình tam giác quay riêng lẻ trong quá trình sử dụng + Số lượng kim: ≥ 600 kim + Độ dày kim: ≥ 0.10 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Hộp	100
502	Kẹp cầm máu sử dụng 1 lần dùng trong nội soi tiêu hóa	Kẹp cầm máu dùng trong nội soi tiêu hóa - Cấu tạo góc của răng 90 - 140 độ - Chiều dài tổng của kẹp khi đóng và rời khỏi thân 11 - 15 mm - Độ mở kẹp 13 - 16 mm - Có lớp vỏ bao phủ toàn bộ thân kẹp - Chiều dài dụng cụ ≥ 2100 mm - Đường kính dụng cụ ≥ 2.1 mm - Dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa, sử dụng 1 lần - Kẹp cầm máu đúng vị trí nhờ chức năng đóng và mở nhiều lần - Có thể xoay 360 độ theo 2 chiều - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	11.000
503	Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên	Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên - Chất liệu nhựa trong suốt - Tổng chiều dài ≤ 35 mm - Đường kính nong thứ 1: ≥ 7 mm - Đường kính nong thứ 2: ≥ 8 mm - Tương thích với đường kính ống soi: 5 - 10 mm - Đầu tip có 3 lỗ: 1 lỗ trung tâm đi dây dẫn, 2 lỗ bên để hút và tưới - Đường kính lỗ trung tâm ≤ 1.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1
504	Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, di vật đường tiêu hóa	Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, di vật đường tiêu hóa - Ngâm gấp bằng nhựa trong suốt - Chiều dài ngâm ≥ 11,5 mm - Góc mở ngâm ≥ 145 độ - Độ mở ngâm ≥ 28 mm - Tương thích với đường kính ống soi 9 - 11 mm - Đường kính lỗ đầu ngâm ≥ 1 mm - Chiều dài làm việc ≥ 165 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1
505	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa - Đường kính kênh làm việc bổ sung ≥ 3 mm, phù hợp cho dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tương thích đường kính ống soi 8 - 14 mm - Chiều dài làm việc 122 - 185 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	20

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
506	Nắp đẩy đầu ống soi	Nắp đẩy đầu ống soi - Đường kính ngoài 11 - 14 mm - Khoảng cách đến đầu ống soi ≥ 7 mm - Đường kính trong ≥ 7 mm - Có rãnh dẫn, có 1 lỗ thoát ngay lập tức đổ chất lỏng bên trong máy hút mùi ra ngoài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	40
507	Kẹp cầm máu ngàm đôi	Kẹp cầm máu ngàm đôi - Kẹp có trụ trung tâm, hai bên là hai ngàm có thể hoạt động độc lập - Kẹp có độ mở ≥ 15 mm, sử dụng 1 lần - Chiều dài làm việc $\geq 160 - 240$ cm - Kênh làm việc ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	60
508	Dao cắt bằng điện cao tần	Dao cắt bằng điện cao tần Quy trình 3 trong 1 dùng cắt, bóc tách và cầm máu trong qui trình cắt dưới niêm mạc (ESD) Đặc điểm: - Hàm có răng để kẹp màng niêm mạc - Hàm xa có thể xoay - Cạnh ngoài cách nhiệt - Chiều dài ngàm 3.5 - 5 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1800 mm - Kênh sinh thiết ống soi ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
509	Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt	Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt dùng để dẫn lưu mật qua dạ dày hoặc qua tá tràng -Thiết kế stent : Stent kim loại tự bung, có phủ hoàn toàn, an toàn trong MRI có điều kiện, được nạp sẵn vào dụng cụ đặt stent. Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt tạo đường hầm vào ổ dịch cần dẫn lưu, 2 vành ngoài vuông góc áp sát cố định các lớp mô và ngăn di lệch stent - Đường kính stent $6 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Đầu stent lồi $14 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Chiều dài sử dụng $8 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Đường kính bộ đặt stent $\geq 9 \text{ Fr}$ - Chiều dài bộ đặt $130 - 150 \text{ cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
510	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt dùng để dẫn lưu mật qua dạ dày hoặc qua tá tràng -Thiết kế stent : Stent kim loại tự bung, có phủ hoàn toàn, an toàn trong MRI có điều kiện, được nạp sẵn vào dụng cụ đặt stent. Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt tạo đường hầm vào ổ dịch cần dẫn lưu, 2 vành ngoài vuông góc áp sát cố định các lớp mô và ngăn di lệch stent - Đường kính stent $15 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Đầu stent lồi $24 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Chiều dài sử dụng $10 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Đường kính bộ đặt stent $\geq 10 \text{ Fr}$ - Chiều dài bộ đặt $130 - 150 \text{ cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
511	Stent kim loại thực quản	Stent kim loại thực quản - Chất liệu nitinol, phủ toàn phần bằng silicone - Đường kính thân stent ≤ 20 mm - Đường kính đầu lọc ≤ 25 mm - Chiều dài thân stent ≤ 150 mm - Chiều dài bộ đặt stent 75 cm - Kích thước bộ đặt 5 - 10 mm (18 F/28 F) - Có các điểm cân quang ở giữa và 2 đầu cuối stent - Cấu tạo vòng cổ chống di lệch - Tương thích dây dẫn 0.025 - 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1
512	Stent kim loại đại tràng	Stent kim loại đại tràng - Chất liệu nitinol - Có cân quang ở 2 đầu và điểm giữa stent - Tương thích dây dẫn 0.025 - 0.035" - Đường kính thân stent ≤ 30 mm - Chiều dài thân stent ≤ 136 mm - Chiều dài bộ đặt stent 90 - 140 cm Vòng tái định vị bằng nhựa ở 1 đầu stent, có khả năng tái định vị lại stent tối đa 05 ngày sau khi cấy ghép - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	1
513	Ống nội soi mềm, đường kính 4.5 - 5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa - Chiều dài làm việc 360 - 380 mm - Đường kính ống soi 4,5 - 5 mm - Độ rộng kênh làm việc 2 - 2.2 mm - Độ phân giải 160.000 - 170.000 Pixels - Góc uốn $-180^{\circ} \sim +210^{\circ}$ - Có nút điều khiển chụp ảnh, quay video - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích với bộ xử lý hình ảnh cùng hãng	ống	30
514	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene + Titan-dioxide, 10 x 15 cm	Mạch ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu Polypropylene (PP) + Titan-dioxide - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Trọng lượng 30 - 50 g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3 mm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	10
515	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene + Titan-dioxide, 15 x 15 cm	Mạch ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu Polypropylene (PP) + Titan-dioxide - Kích thước 15 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Trọng lượng 30 - 50 g/m ² - Kích thước lỗ 1 - 3 mm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	10
516	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 19 - 22G	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng PVC, không latex, phthalate - Kích cỡ 19G, 20G, 22G, dài 15 - 20 mm - Đường kính kim 0.5 - 1.5 mm - Chiều dài của kim 15 - 20 mm - Tương thích môi trường MRI - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	150

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
517	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản	- Chất liệu Nitinol - Kích thước rọ 0 - 12 mm - 4 dây hình xoắn ốc - Chiều dài khoảng 130 - 140 cm - Kích cỡ 1.9 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	4
518	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng Percuflex, cỡ 6 - 7 Fr, dài 25 - 30 cm	- Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nang niệu quản - Chất liệu bằng Percuflex - Kích cỡ 6 - 7 Fr - Chiều dài 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cán quang, kèm dây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	100
519	Stent niệu quản	- Stent niệu quản - Đường kính stent: 8 - 10 mm - Chiều dài stent: 80 - 120 mm - Thiết kế thân stent lực hướng tâm cao và lòng bên trong lớn - Stent được bao phủ hoàn toàn bởi một polyme, lớp phủ được thiết kế để ngăn ngừa quá trình tăng trưởng lớp niêm mạc, giảm sự đóng cặn, hình thành sỏi và vôi hóa. - Marker chắn bức xạ ở trên stent cho phép đặt dưới nội soi hoặc huỳnh quang - Thiết kế mô neo giảm dịch chuyển - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	6
520	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 8-0, dài ≥ 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6.5 mm, 1/4 C	- Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 8-0, dài ≥ 30 cm - 02 kim, thân kim tròn, đầu kim hình thang, bằng thép Alloy, dài 6.5 mm, 1/4 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	24
521	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 10-0, dài ≥ 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, 3/8 C	- Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyamid, số 10-0, dài ≥ 30 cm - 02 kim, thân kim tròn, đầu kim hình thang, bằng thép Alloy, dài 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	24
522	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, số 0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	- Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	60
523	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	- Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 1, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép Alloy, dài 36 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	408

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
524	Chỉ khâu tiêu bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 30 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 14 ngày, tiêu sau 60 ngày, lực kéo căng nút thắt khoảng 40 - 45 N - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 30 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	1.080
525	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	108
526	Lưỡi dao bảo da	Lưỡi dao bảo da dùng trong phẫu thuật ghép da: - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài 160 mm (±3 mm) * Chiều rộng 20 mm (± 2 mm) * Bề dày 0.25 mm (± 0.2 mm) - Đặc tính: hình chữ nhật, có 3 lỗ để gắn vào cán dao bảo - Tương thích với cán dao Watson - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	cái	50
527	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu kéo dài tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Tầng cường tâm nhìn trung gian - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100
528	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh đơn tiêu - Chất liệu: Phần quang học Acrylic, phần càng bằng PMMA - Càng chữ C, bờ sau vuông - Chỉ số sắc sai ≥ 50 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	50
529	Tay dao phẫu thuật Plasma	Tay dao phẫu thuật Plasma - Lưỡi dao dài tối đa 10 mm tính từ đầu xa của trục - Tay cầm có 2 nút: một để kích hoạt năng lượng plasma và một nút để kích hoạt năng lượng sóng cao tần - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10 - 40oC - Tỷ lệ dòng khí gas: + Tối thiểu: 1.0 L/phút + Tối đa: 5.0 L/phút - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
530	Mực dùng cho máy phun xăm	Mực dùng cho máy phun xăm các màu - Không chứa parabens - Thể tích ≥ 10ml - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	lọ	50

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
531	Kim dùng trong phun xăm	Kim dùng trong phun xăm - 1 kim, kim được dập với những đường vân bên hông kim chạy song song ở thân kim, có khóa ở đáy kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	100
532	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, số 11-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, 3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chất liệu chỉ polypropylen, số 11-0, dài ≥ 15 cm - 1 kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 3 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Tép	72
533	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 30G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	300
534	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 50 mm - 1 kim, bằng thép không gỉ, dài 38 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	300
535	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 170 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 170 mm - 1 kim đầu tù, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, 18G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	48
536	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 90 mm, kim 23G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 90 mm - 1 kim, đầu kim vát, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 23G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	20
537	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 90 mm, kim 19G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 90 mm - 2 kim, đầu kim vát, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 19G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	20
538	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim, đầu tù, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 30G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	40
539	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 400 mm, kim 19G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 400 mm - 2 kim, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, 19G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	8
540	Lưỡi dao bào mô	Lưỡi dao bào mô - Đường kính 12 mm - Tương thích với tay bào mô ROTOCUT G1 và máy bào mô UNIDRIVE S III tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	cái	10
541	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn - Tấm đệm cảm biến tổng hợp, không chứa latex - Thiết kế bước sóng 4 bên, đo mao mạch bằng ánh sáng cận hồng ngoại - Sử dụng cho người bệnh có trọng lượng ≥ 40 Kg - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy hãng Masimo tại Bệnh viện	Cái	120

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
542	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho trẻ em	- Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho trẻ em - Tắm đệm cảm biến tổng hợp, không chứa latex - Thiết kế bước sóng 4 bên, đo mao mạch bằng ánh sáng cận hồng ngoại. - Sử dụng cho người bệnh có trọng lượng < 40 Kg - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy hãng Masimo tại Bệnh viện	Cái	50
543	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái/phải) kèm khóa bấm	- Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái phải kèm khóa bấm - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC), mềm, không latex - Kích cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái/phải) - Đặc điểm: + Ống thông phế quản 2 nhánh có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cân quang, có đánh số chiều dài + Kèm 2 khóa bấm khi cần cố lập từng bên phổi + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp < 27 cmH₂O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương. Bóng phế quản hình quả đều có cân quang. Có mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: cây dẫn đường, co chữ Y, dây hút đàm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	200
544	Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau	- Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau (PCA) - Chất liệu nhựa không Latex - Bao gồm: * 01 bơm chính, thể tích 100 - 120 ml * 01 bơm người bệnh điều chỉnh: Thể tích bơm tiêm 1ml với thời gian bơm thuốc cách nhau mỗi 10 phút/lần. - Tốc độ nền khoảng 1 ml/giờ - Cổng bơm thuốc vào là van một chiều - Có 2 lọc khí kích thước khoảng 0,2 µm - Phụ kiện kèm theo: nhãn để ghi thông tin, túi đựng bơm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	70
545	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi bằng polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 cm, 3/8 C	- Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép Alloy, dài 13 mm, 3/8C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	432
546	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ	- Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật khâu cắt trĩ - Ghim bằng Titanium - Đường kính 32 - 34 mm, buồng chứa dịch trong suốt, thể tích buồng chứa mô lớn đến 27cc, thiết kế an toàn kép (chỉ bấm máy được khi gồm cả 2 điều kiện: đóng chặt máy với kim chỉ đến vùng xanh và mở khóa an toàn) - Đường kính lòng cắt ≥ 26 mm, ≥ 34 ghim dập - Chiều cao ghim mở ≥ 3.8 mm, tự động điều chỉnh chiều cao ghim đóng từ 0.75 - 1.5 mm - Các bộ phận đi kèm: 01 ống nong hình tròn và 01 ống nong hình cánh bướm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	350
547	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, lưỡi dao cong 20 - 25 độ	- Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài 23 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong 20 - 25 độ - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa ≥ 5 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) - Tương thích máy Valleylab FT10	Cái	12

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
548	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực - Bao gồm: * Thân: bằng nhựa, có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 50 - 60 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
549	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực - Bao gồm: * Thân: bằng nhựa, có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
550	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, mềm - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, 100% tinh khiết, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	264
551	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 10 cm	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, mềm - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, 100% tinh khiết, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	24
552	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 5 cm, chiều rộng ≥ 35 cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới dệt mềm tự tiêu - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, 100% tinh khiết, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 35 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Miếng	120
553	Mảnh ghép điều trị sa sản chậu, kích thước ngang 4 - 5 cm	Mảnh ghép điều trị sa sản chậu - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: ngang 4 - 5 cm, dọc 23 - 25 cm - Cấu trúc dệt vuông, mịn và bo viền - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	6
554	Mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát	Mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: ngang 01 - 02 cm, dọc 45 - 50 cm - Cấu trúc dệt vuông, mịn và bo viền - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	10
555	Mảnh ghép điều trị sa sản chậu, - kích thước ngang 02 - 03 cm	Mảnh ghép điều trị sa sản chậu - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: ngang 02 - 03 cm, dọc 10 - 15 cm - Cấu trúc dệt vuông, mịn và bo viền - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	6

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
556	Lưới điều trị sa sinh dục	Lưới điều trị sa sinh dục qua ngã âm đạo - Chất liệu: polypropylene - Trọng lượng nhẹ ≤ 21 g/m ² - Độ xốp $\geq 93\%$, mắt lưới với cấu trúc lục giác - Kích thước khe hở các sợi đan: 100 - 150 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu Chuẩn Châu Âu (CE)	cái	20
557	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter	Bộ dẫn lưu vết mổ - Chất liệu bằng silicon - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không, có móc treo - Dung tích 100 - 110 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	160
558	Catheter đo áp lực 2 đường, cỡ 7 Fr, dài 45 - 50 cm	Bộ gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ, catheter bằng polyamid trong suốt - Bộ bao gồm: Kim 18G dài 80 - 100 mm, Catheter cỡ 20G dài 50 - 90 cm, dụng cụ cố định catheter với bộ lọc, kẹp nối catheter, bộ lọc có kích thước 0.1 - 0.2 micromet, dây nối tiêm thuốc - Đặc điểm: Kim đầu tù, hiển thị dưới siêu âm, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim, Catheter cân quang, có vạch đánh dấu độ dài, lỗ mở trung tâm cho phép dòng chảy liên tục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	100
559	Catheter đo áp lực ổ bụng bằng polyvinylclorua, cỡ 9 Fr, dài 45 - 50 cm	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bằng quang qua da - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 8 - 16 Fr - Chiều dài 35 - 40 cm - Bao gồm 01 ống thông tiểu 2 nhánh có bóng dung tích 5 - 10 ml, 01 cây chọc dò trocar, 01 lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	800
560	Bộ phận gắn đầu biến áp lực	Bộ phận gắn đầu biến áp lực để chuyển tín hiệu áp lực chính xác đến bộ phận cảm biến niệu dòng dùng đo áp lực bằng quang - Đầu nối: Male - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ tiêu chuẩn ISO	Cái	200
561	Miếng dán điện cực có dây	Miếng dán điện cực có dây, dùng đo điện cơ vùng đáy chậu - Chất liệu: không latex - Dây dẫn đi kèm gồm 02 dây đỏ và 01 dây xanh, 3 dây nằm trên cùng một miếng dán - Miếng đệm là bằng trong	Cái	400
562	Buồng làm ấm kèm dây thở có kiểm soát nhiệt, có phun khí dung	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt có công phun khí dung - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu. Buồng làm ấm có công gắn đầu phun khí dung với nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung của hãng Aerogen. - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Chiều dài dây thở: 1.8 → 2.0 m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ tiêu chuẩn ISO	bộ	100
563	Ống thở oxy dành cho trẻ em tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2	Ống thở oxy dòng cao dành cho trẻ em. - Dây thở mềm, chống gập chống rối - Có đệm dán cố định, không gây tổn thương da và tháo rời dễ vệ sinh được. - Thiết kế cannula ôm sát với mũi bé một cách ổn định. - Kích thước khác nhau cho trẻ từ 0.5 kg đến 30 kg như XS, S, M, L, XL. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ tiêu chuẩn ISO - Tương thích với máy thở HFNC Airvo2	bộ	40

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
564	Bộ dây dẫn khí NO các cỡ	Bộ dây dẫn khí NO, các cỡ - Ống nối giữa dây dẫn khí NO và dây máy thở đường kính từ 10 - 22 mm - Dây nối lấy mẫu phân tích có chiều dài: khoảng 1.5 - 2 m kèm khóa luer lock để cố định với máy NO - Có ống nối giữa dây cấp khí NO và bình làm ẩm của hệ thống máy thở - Có bộ lọc nước - Tương thích với máy cấp khí và theo dõi khí NO (NoxBoxi đang có tại BV) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ tiêu chuẩn ISO	bộ	10
565	Bộ lọc không khí dành cho máy HFNC AirVo 2	Bộ lọc không khí cho máy AIRVO2, dùng nhiều lần - Hiệu quả lọc khuẩn: > 99% vi khuẩn, >99% vi rút - Không chứa mù cao su tự nhiên hoặc phthalates (DEHP, DBP, BBP) - Tương thích với máy thở HFNC Airvo2 - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/ tiêu chuẩn ISO	hộp	25
566	Bộ dây dẫn khí dùng cho trẻ sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ẩm tự động	Bộ dây thở 1 nhánh có điện trở nhiệt, kèm bình làm ẩm, dùng 1 lần - Bộ dây thở với nhánh thở vào tích hợp trở nhiệt giúp giảm đọng nước. - Bình làm ẩm ẩm có thể tự làm đầy và tự ngắt khi đầy. - Chiều dài nhánh thở vào: khoảng 1 - 1.2 m - Đoạn dây kết nối với bình làm ẩm có cổng gắn nitric oxide: khoảng 0.5 - 0.7 m - Có dây đo áp lực, các cơ nối phù hợp - Độ cản trở dòng trên dây thở tại 13 L/phút: $\leq 2 \text{ cmH}_2\text{O}$ - Tương thích với máy thở không xâm lấn Acutronic và máy làm ẩm MR850/MR810 của Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	BỘ	25
567	Van thở CPAP	Van thở CPAP - Có tích hợp phần dự trữ khí, ống đo áp lực liên tục mà không cần ngắt quãng dòng khí thở - Có cổng kết nối phun khí dung - Phần đầu gọng mũi có thể thay đổi góc nghiêng phù hợp với từng đối tượng sử dụng - Áp lực CPAP: từ 0 đến 20 mbar - Độ ồn thấp $\leq 61 \text{ dB(A)}$ - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO - Tương thích với Bộ dây dẫn khí dành cho NB sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ẩm tự động	CÁI	25
568	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ, trong suốt có thể đưa camera quan sát trong lúc vào trocar - Lượng khí xì rò khi có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200 ml/phút - Cấu tạo van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
569	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ, trong suốt có thể đưa camera quan sát trong lúc vào trocar - Lượng khí xì rò khi có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200 ml/phút - Cấu tạo van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	600

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
570	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi - Bao gồm: * Thân: nhựa trong, có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm * Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ. - Lượng khí xì rò khi có dụng cụ ở góc nghiêng không quá 200 ml/phút - Cấu tạo van chống xì khí: van đóng, ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	600
571	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G, dài 10 - 20 cm	Kim sinh thiết - Kích cỡ 18 - 20G, dài 10 - 20 cm, độ dài mẫu 18 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để xác định số kim, đầu kim cán tia X-ray - Tương thích với súng sinh thiết cùng hãng Pro-Mag Ultra2.2, - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/tiêu chuẩn ISO	Cây	15
572	Dao cắt vách nang giả tụy	Dao cắt vách nang trong dẫn lưu nang giả tụy - Đường kính đầu dao từ 0.4 - 0.6 mm - Chiều dài đầu dao từ 8 - 10 mm - Đường kính dây dẫn dụng cụ từ 1.3 - 1.7 mm - Chiều dài dây dẫn dụng cụ ≥ 200 cm - Dây dẫn tương thích ≤ 0.035" - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
573	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm, phủ toàn phần - Đường kính stent 12 - 14 mm - Đường kính 2 đầu stent loe hình nón có kích thước từ 24 - 26 mm - Chiều dài stent đoạn sử dụng ≤ 20 mm - Chiều dài toàn bộ stent ≥ 30 mm - Đường kính bộ đặt từ 9 - 11 Fr - Chiều dài bộ đặt từ 1750 - 1850 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	2
574	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép Alloy, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	5.004
575	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G, không kèm bơm tiêm	Bộ gây tê ngoài màng cứng, không kèm bơm tiêm - Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài 80 - 90 mm - Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài 1000 - 1200 mm, đầu thuôn nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.1 - 0.2 micromet kèm miếng dán cố định bộ lọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn ISO	Bộ	2.000
576	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn - Kim bằng thép không gỉ, dài 40 - 60 mm - Catheter bằng Polyurethan, cỡ 20G, 22G, dài 80 - 90 mm. Catheter có dây nối mở rộng kèm khóa. - Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 30 - 35 cm, 2 đầu thẳng mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Bộ	1.000

CÔNG TY:
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ													
STT	STT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Chủng loại /Mã hàng	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số lưu hành/ GPNK	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Mã HS (HS code)	Ghi chú	Thông tin người liên hệ
														Chứng minh giá (nếu có): - Tên cơ sở y tế; - QĐ trúng thầu; - Giá trúng thầu	
			Lưu ý: Thông tin chào giá của hàng hóa phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021												

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)